

Số: /SGDĐT-GDTrH  
V/v hướng dẫn thực hiện  
nhiệm vụ giáo dục trung học  
năm học 2024-2025

Trà Vinh, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trưởng phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố;
- Giám đốc các Trung tâm GDNN-GDTX, GDTX-GDNN;
- Hiệu trưởng trường Thực hành sư phạm.

Thực hiện Quyết định số 2045/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025 của ngành Giáo dục; Công văn số 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 30/7/2024 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025; Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 13/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Thực hiện Kế hoạch số 99/KH-SGDĐT ngày 29/8/2024 của Sở GDĐT Trà Vinh về thực hiện nhiệm vụ và giải pháp năm học 2024-2025;

Sở GDĐT Trà Vinh hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025 như sau:

## A. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018<sup>1</sup> (CT GDPT 2018) đối với tất cả các khối lớp, bảo đảm thực hiện và hoàn thành chương trình năm học, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục trung học. Chuẩn vị tổ chức đánh giá tổng kết việc triển khai thực hiện CT GDPT 2018 giai đoạn 2020-2025.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho học sinh; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM, giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau THCS và sau THPT.

3. Chú trọng thực hiện công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp, đội ngũ nhà giáo và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai

<sup>1</sup> Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020, Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; Quyết định số 712/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Hàn và Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm thí điểm; Thông tư số 36/2021/TT-BGDĐT ngày 24/12/2021 về Ban hành CTGDTX cấp THCS; Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 về Ban hành CTGDTX cấp THPT.

CT GDPT 2018; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở; thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông.

4. Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện CT GDPT 2018; chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên.

5. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; quản trị trường học; đảm bảo dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả trong các cơ sở giáo dục trung học; tổ chức các phong trào thi đua. Tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn, giám sát, thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền.

6. Triển khai thực hiện công hiệu quả, thiết thực chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục; tập trung thực hiện chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

## **B. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

### **I. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng**

#### **1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường**

Các trường THCS, THPT/TTGDTrH (gọi chung là các cơ sở giáo dục trung học) xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường<sup>2</sup>, trong đó tập trung một số nội dung sau:

a) Kế hoạch giáo dục của nhà trường thể hiện việc huy động đầy đủ nguồn lực, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có của nhà trường trong kế hoạch giáo dục của các môn học, hoạt động giáo dục; lưu ý việc xây dựng phân phối chương trình các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế để phát huy hiệu quả năng lực đội ngũ giáo viên của nhà trường<sup>3</sup>.

- Sắp xếp bố trí thời khóa biểu: tùy theo điều kiện cơ sở vật chất của từng nhà trường mà phân phối số tiết/tuần (số tiết/tháng) cho phù hợp đảm bảo tổng số tiết là 105 tiết/1 năm học (*không nhất thiết phải sắp xếp thời khóa biểu theo hàng tuần*).

<sup>2</sup> Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 (điều chỉnh theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022); Công văn số 3899/BGDĐT-GDTrH ngày 03/8/2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024; Công văn số 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 30/7/2024 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025; Công văn 4028/BGDĐT-GDTrH ngày 23/8/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDTrH cấp THPT năm học 2022-2023; Công văn số 3759/BGDĐT-GDTrH ngày 28/7/2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với Giáo dục thường xuyên; Công văn số 3933/BGDĐT-GDTrH ngày 30/7/2024 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với Giáo dục thường xuyên

<sup>3</sup> Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

- Hình thức: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức trong và ngoài lớp học, trong và ngoài trường học; theo quy mô nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy mô trường; với bốn loại hình hoạt động chủ yếu là dưới dạng Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp (***không tích hợp, lồng ghép trong sinh hoạt dưới cờ và sinh hoạt lớp***), Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ; với sự tham gia, phối hợp, liên kết của nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học, cán bộ tư vấn tâm lí học đường, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cán bộ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, cán bộ phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, cán bộ quản lí nhà trường, cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

b) Đối với trường chuyên, tiếp tục thực hiện dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 4171/BGDĐT-GDTrH ngày 26/8/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn nội dung dạy học các môn chuyên cấp trung học phổ thông.

c) Đối với các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn cấp trung học phổ thông: Tăng cường xếp các lớp học riêng theo từng môn học lựa chọn, chuyên đề học tập lựa chọn, linh hoạt bố trí sĩ số học sinh theo từng lớp học để đáp ứng tối đa nguyện vọng của học sinh; phân công giáo viên và xây dựng thời khóa biểu giữa các lớp học bảo đảm tính khoa học; tổ chức tốt việc tư vấn và cho học sinh đăng kí, lựa chọn các môn học, chuyên đề học tập lựa chọn bảo đảm công khai, minh bạch.

d) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; tích hợp nội dung giáo dục quyền con người; tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các nội dung giáo dục pháp luật về an toàn giao thông; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đạo đức liêm chính; giáo dục bình đẳng giới; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, loà cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyên đổi và các nội dung giáo dục lồng ghép khác.

đ) Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật; triển khai mô hình giáo dục từ xa cho học sinh khuyết tật không có điều kiện đến trường dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở giáo dục.

e) Chỉ đạo các trường vùng dân tộc thiểu số có đủ điều kiện về giáo viên, cơ sở vật chất tổ chức dạy học 02 buổi/ngày theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm; tăng cường phụ đạo cho học sinh còn hạn chế về kết quả học tập; tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và tổ chức dạy học các môn học tiếng dân tộc thiểu số khi có đủ điều kiện theo quy định.

## **2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học**

a) Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài học để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh bảo đảm chất lượng, dành nhiều thời gian cho học sinh khai thác sử dụng sách giáo khoa, thực hành, thí nghiệm để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua thực hiện nhiệm vụ được giao và hoàn thành sản phẩm học tập cụ thể theo yêu cầu của giáo viên. Đa dạng các hình thức tổ chức dạy học (trong và ngoài lớp học, trong và ngoài khuôn viên nhà trường), khuyến khích các hình thức dạy học nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh.

b) Tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của CT GDPT 2018; tăng cường phối hợp, huy động, trao đổi giáo viên giữa các trường trong khu vực để sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có.

## **3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá**

a) Thực hiện đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông theo đúng quy định<sup>4</sup>, không vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình, lưu ý một số nội dung như: xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; tăng cường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Đối với môn Ngữ văn, tránh sử dụng những văn bản, đoạn trích đã được học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu và viết trong các đề kiểm tra định kì nhằm khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn<sup>5</sup>.

b) Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; chuẩn bị cho học sinh lớp 9 làm quen với định hướng đề thi tuyển sinh vào lớp 10, học sinh lớp 12 làm quen với định hướng đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông<sup>6</sup>.

## **4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng**

a) Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong các cơ sở giáo dục trung học, trong đó tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp; tăng cường tư vấn hướng nghiệp theo định hướng nghề nghiệp cấp trung học phổ thông<sup>7</sup>.

<sup>4</sup> Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học viên theo học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông

<sup>5</sup> Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

<sup>6</sup> Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cấu trúc định dạng đề thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025.

<sup>7</sup> Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong GDPT giai đoạn 2018-2025".

b) Định hướng hiệu quả việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông theo học các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh; tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp trong trường trung học; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh trung học.

## **5. Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh giáo dục trung học**

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu của Đề án dạy và học ngoại ngữ theo Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2024 đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống quốc dân giai đoạn 2017-2025 của tỉnh Trà Vinh và Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 21/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2025 đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống quốc dân giai đoạn 2017-2025 của tỉnh Trà Vinh.

- Phối hợp với Trường Đại học Cần Thơ bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học tiếng Anh theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học; bảo đảm cơ cấu, số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu và tiến độ triển khai chương trình GDPT 2018, phấn đấu đến cuối năm học sẽ có trên 98% giáo viên tiếng Anh cấp THCS, THPT đạt trình độ chuẩn để giảng dạy tiếng Anh hệ 10 năm của cấp học.

- Bổ sung trang thiết bị thiết yếu, học liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong dạy và học ngoại ngữ; tiếp tục xây dựng và triển khai thí điểm hệ thống hỗ trợ dạy học tiếng Anh trực tuyến và trên máy tính cho giáo dục trung học.

## **6. Tham gia, tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi**

- Tổ chức, đánh giá rút kinh nghiệm công tác ôn tập thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024 để khắc phục những hạn chế, yếu kém, nhằm nâng cao chất lượng Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 và tham gia các Kỳ thi, Cuộc thi cấp quốc gia (khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học, thi học sinh giỏi quốc gia) đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (*có văn bản hướng dẫn riêng*).

- Tiếp tục tổ chức các Cuộc thi dành cho học sinh phổ thông theo Công văn số 5814/BGDĐT-GDTrH ngày 07/12/2017 của Bộ GDĐT về việc tổ chức các cuộc thi dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2017-2018, trong đó lưu ý các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Trà Vinh về quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh<sup>8</sup>.

<sup>8</sup> Thi tốt nghiệp THPT; thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; thi tuyển sinh vào lớp 10; thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh môn văn hóa (lớp 9, lớp 11); thi chọn học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia; thi nghề phổ thông; Hội thi giáo viên

## **II. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trung học, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở**

### **1. Phát triển mạng lưới trường, lớp**

a) Phát triển mạng lưới trường, lớp gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trung học. Tiếp tục đầu tư nguồn lực xây dựng trường chuẩn quốc gia gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Trong năm học 2024-2025 tiếp tục xây dựng các trường THPT thuộc huyện Càng Long, Châu Thành đạt chuẩn quốc gia (đạt chuẩn quốc gia mức độ 1: THPT Cầu Ngang B, THPT Đại An, phổ thông DTNT THPT tỉnh Trà Vinh; đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: THPT Nguyễn Đăng, THPT Hồ Thị Nhâm, huyện Càng Long, THPT Vũ Đình Liệu huyện Châu Thành).

b) Tiếp tục đổi mới mô hình tổ chức và quản lý hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên đáp ứng mục tiêu phát triển năng khiếu về một số môn học cho học sinh đạt kết quả tốt trong rèn luyện và học tập trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

### **2. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục**

a) Thực hiện tốt việc tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu, nhất là giáo viên các môn Tin học, Ngoại ngữ, Mĩ thuật, Âm nhạc, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí đáp ứng yêu cầu triển khai CT GDPT 2018<sup>9</sup>. Tiếp tục thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên trung học cơ sở theo quy định của Chính phủ.

b) Thường xuyên rà soát, bổ sung đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học, hoạt động giáo dục; phát huy hiệu quả đội ngũ giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán để triển khai bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông đại trà; gắn việc tập huấn sử dụng sách giáo khoa với nội dung bồi dưỡng thường xuyên và nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường. Nâng cao hiệu quả tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp, tư vấn cho học sinh trung học.

### **3. Đảm bảo sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương**

a) Phát huy cao nhất vai trò tự chủ về chuyên môn của giáo viên, cơ sở giáo dục trong việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định. Phối hợp với các Nhà xuất bản tập huấn cho giáo viên sử dụng sách giáo khoa và cung ứng sách giáo khoa cho học sinh đầy đủ, kịp thời trước khai giảng năm học 2024-2025 và chuẩn bị cho các năm học tiếp theo, bảo đảm kịp thời, chất lượng, đúng quy định.

---

dạy giỏi các cấp học; hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi các cấp học; các cuộc thi, hội thi do Bộ GDĐT tổ chức (theo chuyên đề); cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp; hội thi Giải toán trên máy tính cầm tay...

<sup>9</sup> Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

b) Hoàn thành việc tổ chức biên soạn, thẩm định, cung cấp tài liệu giáo dục của địa phương lớp 12 kịp thời triển khai năm học 2024-2025.

#### **4. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu**

a) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học; đầu tư và tận dụng tối đa cơ sở vật chất của nhà trường để có thể tổ chức dạy học nhiều hơn 06 buổi/tuần, bảo đảm chủ động, linh hoạt thực hiện chương trình.

b) Tiếp tục phát triển học liệu số để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

#### **5. Nâng cao chất lượng giáo dục trung học**

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án số 04/ĐA-SGDĐT ngày 24/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 11/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh; Triển khai thực hiện Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 11/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 48/KH-SGDĐT ngày 28/4/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh<sup>10</sup>.

### **III. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục**

Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục trung học, trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

1. Chủ động rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành các nghị quyết quy định chính sách của tỉnh đảm bảo điều kiện triển khai CT GDPT 2018. Ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở giáo dục. Tích cực tham mưu, góp ý xây dựng, điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ và Kế hoạch số

<sup>10</sup> Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 11/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

390/KH-BGDĐT ngày 22/4/2024 của Bộ GDĐT<sup>11</sup>.

2. Chỉ đạo các nhà trường đẩy mạnh quản trị hoạt động dạy học và giáo dục gắn liền với quản trị nhân sự, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tài chính thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Giao quyền tự chủ cho tổ chuyên môn trong việc quản lý kế hoạch giáo dục cá nhân và kế hoạch bài dạy của giáo viên, bảo đảm chất lượng, thiết thực, hiệu quả.

3. Tăng cường chuyển đổi số trong dạy học và quản lý, thực hiện hiệu quả việc tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Tổ chức triển khai tốt việc chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị nhà trường theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ<sup>12</sup>; tập trung chỉ đạo thực hiện việc chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập, rèn luyện của học sinh cấp trung học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

4. Thực hiện nghiêm quy định về quản lý, sử dụng xuất bản phẩm tham khảo<sup>13</sup>. Đặc biệt lưu ý chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên kiểm soát chặt chẽ nội dung, không để xuất bản phẩm tham khảo có nội dung vi phạm chủ quyền biển đảo, truyền thống văn hoá, thuần phong mỹ tục của Việt Nam đưa vào sử dụng trong dạy học.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục và hợp tác quốc tế trong giáo dục trung học gắn với việc tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra: các cơ sở giáo dục trung học tư thục, các cơ sở giáo dục có hợp tác, đầu tư của nước ngoài, việc liên kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện các hoạt động giáo dục; các chương trình giáo dục tích hợp, chương trình giáo dục của nước ngoài, chương trình giáo dục bằng tiếng nước ngoài<sup>14</sup>; nội dung giáo dục bắt buộc dành cho học sinh Việt Nam tại các cơ sở giáo dục tư thục có vốn đầu tư nước ngoài<sup>15</sup>.

6. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định. Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông tại địa phương và các kì thi, cuộc thi cấp quốc gia, quốc tế, đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Chọn lọc tổ chức hoặc tham gia các cuộc thi của địa phương theo chủ trương tinh giảm các kỳ thi, cuộc thi, hội thi<sup>16</sup> nhằm giảm áp lực đối với giáo viên và học sinh.

7. Đẩy mạnh công tác truyền thông: Chủ động cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương về tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đối với giáo dục trung học; tình hình và kết quả triển khai

<sup>11</sup> Kế hoạch của Bộ GDĐT triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới CT, SGK GDPT.

<sup>12</sup> Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án ""Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"".

<sup>13</sup> Thông tư số 2/1/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

<sup>14</sup> Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018; Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014.

<sup>15</sup> Thông tư số 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020.

<sup>16</sup> Công văn số 5814/BGDĐT-GDTrH ngày 07/12/2017 về tổ chức các cuộc thi dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2017-2018.



thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới đối với giáo dục trung học tạo sự đồng thuận của xã hội, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ các cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách, pháp luật về GDĐT, trong đó chú trọng các nội dung kiểm tra: công tác triển khai thực hiện CT GDPT 2018; việc dạy thêm, học thêm; tổ chức lựa chọn sách giáo khoa; quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục; công tác quản lý hoạt động dạy học; công tác tuyển sinh đầu cấp; việc chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông<sup>17</sup>.

### **V. Công tác thi đua, khen thưởng**

1. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở giáo dục trung học, cán bộ quản lý và giáo viên trung học theo quy định.

2. Cụ thể hóa các tiêu chí thi đua theo hướng dẫn của Sở GDĐT thành các hoạt động cụ thể để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các mặt công tác trong nhiệm vụ năm học; bảo đảm công bằng, minh bạch, gắn với hiệu quả công việc.

3. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học thực hiện tốt việc khen thưởng, kỉ luật vì sự tiến bộ của học sinh; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, tạo cảm hứng và động lực phấn đấu cho học sinh; tăng cường các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực để rèn luyện ý thức kỉ luật, trách nhiệm của học sinh đối với bản thân, thầy, cô, bạn bè, gia đình và cộng đồng.

### **VI. Một số chỉ tiêu phấn đấu trong năm học 2024-2025**

1. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đi học
  - Cấp THCS đạt từ 99% trở lên.
  - Cấp THPT đạt từ 85% trở lên.
2. Tỷ lệ lưu ban, bỏ học
  - Cấp THCS dưới 1%.
  - Cấp THPT dưới 1%.
3. Tỷ lệ TN THPT 2025: đạt 99% trở lên, điểm bình quân các môn thi TN THPT nằm trong top 30 cả nước.
4. Số học sinh đạt học sinh giỏi cấp quốc gia 16 học sinh trở lên.

<sup>13</sup> Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGDĐT ngày 12/8/2022 của Bộ GDĐT hợp nhất Quyết định về việc ban hành Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường THCS và THPT; Công văn số 68/BGDĐT-GDTrí ngày 06/01/2023 hướng dẫn chuyển đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập cấp trung học phổ thông; Công văn số 6027/BGDĐT-GDTrí ngày 15/11/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và chuyển đổi môn học, cụm chuyên đề học tập trong CTGDĐT cấp THPT.

### 5. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giáo dục trung học

- Đối với cấp THCS: mỗi huyện, thị xã, thành phố phần đầu có ít nhất 01 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

- Đối với cấp THPT: xây dựng 06 trường: THPT Cầu Ngang B, phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Trà Vinh, THPT Đại An mức độ 1; THPT Nguyễn Đăng, THPT Hồ Thị Nhâm, THPT Vũ Đình Liêu mức độ 2 thuộc các huyện Càng Long, Châu Thành theo kế hoạch xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

### 6. Phổ cập giáo dục THCS và phổ cập giáo dục Trung học

- Tỉnh Trà Vinh duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 và trình Bộ GDĐT kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập THCS mức 3.

- Có 106/106 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD Trung học, phần đầu có 2 đơn vị huyện Càng Long và thành phố Trà Vinh đạt chuẩn PCGD Trung học.

## VII. Các loại hồ sơ và phụ lục kèm theo

1. Phụ lục 1. Các loại hồ sơ, sổ sách.

2. Phụ lục 2. Phiếu đánh giá bài dạy.

3. Phụ lục 3. Khung kế hoạch bài dạy theo chủ đề/bài.

4. Phụ lục 4. Khung xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

5. Phụ lục 5. Bảng cam kết thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

6. Phụ lục 6. Khung chương trình nội dung Tài liệu GDĐP lớp 9.

7. Phụ lục 7. Lịch Hội giảng, báo cáo chuyên đề cấp tỉnh năm học 2024-2025.

8. Phụ lục I. Khung kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn (*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT*).

9. Phụ lục II. Khung kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn (*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT*).

10. Phụ lục III. Khung kế hoạch giáo dục của giáo viên (*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT*).

11. Phụ lục IV. Khung kế hoạch bài dạy (*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT*).

12. Phụ lục V. Mẫu phiếu đánh giá bài dạy (*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT*).

### **Ghi chú:**

- *Phiếu đánh giá bài dạy: chọn một trong hai phụ lục 2 (100 điểm) và phụ lục V (20 điểm).*

- *Khung kế hoạch bài dạy: chọn một trong hai phụ lục 3 Công văn số 1046/SGDDĐT-GDTrH) và phụ lục IV (Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH).*

## **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. Phòng Giáo dục trung học, Sở GDĐT**

- Xây dựng Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025 triển khai đến các phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục trung học các huyện, thị, thành phố thực hiện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo định kỳ và đột xuất để nắm bắt thông tin các cơ sở giáo dục trung học để có sự uốn nắn, nhắc nhở, chỉ đạo, rút kinh nghiệm.

- Tham mưu với lãnh đạo Sở các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, tham gia chọn lựa sách giáo khoa (nếu có) triển khai Chương trình GDPT 2018 ở khối lớp trong năm học 2025-2026.

- Tham mưu Ban Giám đốc thành lập Câu Lạc bộ Hiệu trưởng/Giám đốc các trường THPT, THCS và các Trung tâm GDNN-GDTX, GDTX-HNDN trong toàn tỉnh.

- Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên và định kỳ về cấp trên theo quy định.

### **II. Các phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2024-2025 và triển khai đến các trường THCS trực thuộc.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra các đơn vị thực hiện nghiêm các nhiệm vụ trọng tâm trong năm học 2024-2025 về công tác chuyên môn theo hướng dẫn.

- Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên và định kỳ về cấp trên theo quy định.

### **III. Các cơ sở giáo dục trung học**

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học của đơn vị phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch nhà trường và kế hoạch bộ môn từng môn học phù hợp theo sự chỉ đạo của Sở và Bộ GDĐT.

- Tăng cường công tác kiểm tra công tác chuyên môn đối với tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện các loại hồ sơ sổ sách, dạy học, các hoạt động khác theo sự phân công của nhà trường. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý trường học và dạy học.

- Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ về cấp trên theo yêu cầu.

Trên cơ sở những nội dung hướng dẫn trên đây, căn cứ vào tình hình cụ thể

của đơn vị; Sở GDĐT đề nghị các phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục trung học xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở GDĐT (qua phòng Giáo dục trung học, số điện thoại 02943. 865451) để phối hợp thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Vụ GDTrH, Bộ GDĐT (b/c);
- GD, các PGĐ Sở GDĐT;
- Phòng CMNV sở;
- Thực hiện sao y;
- Lưu: VT, GDTrH.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Bạch Vân**

**CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN GIÁO DỤC TRUNG HỌC  
NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Công văn số /SGDDT-GDTrH ngày / /2024)

| Thời gian       | Nội dung hoạt động  | Ghi chú |
|-----------------|---|---------|
| Tháng 7, 8/2024 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia kỳ thi TNTHPT năm 2024.</li> <li>- Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với giáo dục trung học.</li> <li>- Hội nghị rút kinh nghiệm kỳ thi TNTHPT 2024.</li> <li>- Hội nghị Tổng kết GDTrH năm học 2023-2024 và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với GDTrH.</li> <li>- Phối hợp tham gia kỳ thi khảo sát tuyển chọn đội tuyển HSG cấp QG lớp 12, năm học 2024-2025 ở các bộ môn để tiến hành bồi dưỡng.</li> </ul>  |         |
| Tháng 9/2024    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai các văn bản về các Hội thi, cuộc thi: Hội thi giáo viên dạy giỏi, Giải toán trên máy tính cầm tay; Cuộc thi KHKT các cấp.</li> <li>- Tiến hành bồi dưỡng đội tuyển HSGQG lớp 12.</li> <li>- Kiểm tra công nhận các trường THCS và THPT đạt chuẩn quốc gia.</li> </ul>   |         |
| Tháng 10/2024   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia với phòng Thanh tra, thanh tra chuyên môn các phòng GDĐT, THPT, TTGD TX theo kế hoạch (theo kế hoạch phòng Thanh tra).</li> <li>- Kiểm tra tiến độ thực hiện công tác phổ cập giáo dục THCS và phổ cập giáo dục trung học ở các xã, huyện (thống kê số liệu, việc mở lớp và hồ sơ phổ cập giáo dục THCS và giáo dục trung học năm 2024) thông qua phần mềm PCGD, XMC.</li> <li>- Các đơn vị triển khai Cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học cấp trường; cấp huyện.</li> <li>- Kiểm tra công tác dạy và học tại các trường THPT, phổ thông DTNT, Trung tâm GDNN-GD TX, Trung tâm GD TX-HNDN.</li> </ul> |         |
| Tháng 11/2024   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức Cuộc thi Giải Toán, Lý, Hoá, Sinh bằng máy tính cầm tay cấp huyện (THCS), trường (THPT); cuộc thi KHKT cấp huyện (THCS), trường (THPT/GD TX).</li> <li>- Chỉ đạo Hội thảo chuyên môn cụm huyện, thị xã, thành phố theo định hướng phát triển năng lực học sinh.</li> <li>- Kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGDTHCS ở các huyện, thị, tp năm 2024 và kiểm tra hồ sơ PCGD Trung học ở các</li> </ul>   |         |

|               |  |  |
|---------------|--|--|
|               | xã/phường/thị trấn.  |  |
| Tháng 12/2024 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ đạo công tác ôn tập kiểm tra HKI ở các trường THPT, TTGDTX, Phòng GDĐT.</li> <li>- Các trường THPT, phòng GDĐT gửi bản đăng ký và sản phẩm dự thi KHKT đến Sở GDĐT.</li> <li>- Tổ chức Hội thi GV dạy giỏi cấp trường, cấp huyện.</li> </ul>  |  |
| Tháng 01/2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức kiểm tra và sơ kết HKI năm học 2024-2025.</li> <li>- Tổ chức Cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học cấp tỉnh.</li> <li>- Chỉ đạo Hội thảo chuyên môn cụm huyện, thị xã, thành phố theo định hướng phát triển năng lực học sinh.</li> <li>- Thi học sinh giỏi Quốc gia lớp 12 năm 2025.</li> </ul>  |  |
| Tháng 02/2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra công tác dạy và học đối với các trường THCS.</li> <li>- Tổ chức Cuộc thi Giải Toán, Lý, Hoá, Sinh trên máy tính cầm tay vòng tỉnh năm học 2024-2025.</li> <li>- Chỉ đạo Hội thảo chuyên môn cụm huyện, thị xã, thành phố theo định hướng phát triển năng lực học sinh.</li> </ul>  |  |
| Tháng 3/2025  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội giảng các môn học chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCSHCM 26/3.</li> <li>- Hội nghị đánh giá chất lượng giáo dục và ôn tập thi tuyển sinh vào lớp 10 cho học sinh lớp 9.</li> <li>- Phối hợp phòng Thanh tra, tham gia Đoàn thanh tra phòng GDĐT, THPT, TTGDTX theo kế hoạch.</li> <li>- Tham gia cuộc thi KHKT cấp quốc gia.</li> <li>- Tổ chức Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh.</li> <li>- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục chuẩn bị việc chọn lựa SGK theo CTGDPT 2018.</li> </ul> |  |
| Tháng 4/2025  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội nghị ôn tập các môn thi TNTHPT năm 2025.</li> <li>- Chỉ đạo kiểm tra cuối học kỳ II lớp 12.</li> <li>- Kiểm tra tình hình ôn tập thi TNTHPT ở các trường THPT, TTGDTX.</li> <li>- Phối hợp tổ chức thi học sinh giỏi vòng tỉnh lớp 9 và lớp 11 năm học 2024-2025.</li> </ul>  |  |
| Tháng 5/2025  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đơn vị THPT, GDTX tiếp tục ôn tập cho học sinh khối 12 ôn tập thi TN. THPT 2025 (giai đoạn 1).</li> <li>- Tổ chức kiểm tra các môn thi TN. THPT 2025.</li> <li>- Chỉ đạo kiểm tra HK II từ khối 6 đến khối 11 theo biên chế năm học 2024-2025.</li> <li>- Tổng kết năm học 2024-2025.</li> <li>- Tham gia kiểm tra các trường, trung tâm chuẩn bị tổ chức thi TN. THPT năm 2025.</li> </ul>   |  |
| Tháng 6/2025  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đơn vị THPT, GDTX tiếp tục ôn tập cho học sinh khối 12 ôn tập thi TN THPT 2025 (giai đoạn 2).</li> <li>- Phối hợp tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025-</li> </ul>   |  |

|              |   |  |
|--------------|---|--|
|              | <p>2026.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức Kỳ thi TN. THPT 2025 do Sở GDĐT Trà Vinh chủ trì.</li> <li>- Tham gia Kỳ thi TN. THPT 2024.</li> </ul>  |  |
| Tháng 7/2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia Kỳ thi TN. THPT 2024.</li> <li>- Phối hợp tổ chức Cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh.</li> <li>- Tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với Giáo dục trung học.</li> </ul> |  |
| Tháng 8/2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia tập huấn chuyên môn do Bộ GDĐT tổ chức.</li> <li>- Tổ chức tập huấn chuyên môn và bồi dưỡng thường xuyên do Sở GDĐT tổ chức.</li> </ul>   |  |

## **PHỤ LỤC 1. CÁC LOẠI HỒ SƠ, SỔ SÁCH**

**(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrH ngày /9/2024 của Sở GDĐT)**

### **1. Các loại hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường**

- Hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong trường trung học đảm bảo thực hiện theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT) và theo Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/04/2021 của Bộ GDĐT về Thông tư Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên, Công văn 4028/BGDĐT-GDTrH ngày 23/8/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT năm học 2022-2023 (đối với Trung tâm GDTX, Trung cấp Pali-Khmer).

- Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn và giáo viên có các loại sổ khác tùy theo nhiệm vụ được giao như: giáo dục hướng nghiệp; giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động khởi nghiệp, ...

- Các loại hồ sơ quy định theo dạng hồ sơ điện tử được sử dụng thay cho các loại hồ sơ giấy theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nhà trường, khả năng thực hiện của giáo viên và bảo đảm tính hợp pháp của các loại hồ sơ điện tử.

### **2. Các hoạt động quản lý chuyên môn, hỗ trợ đồng nghiệp**

Căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, lãnh đạo các trường trung học tự chủ thống nhất các hoạt động về chuyên môn (dự giờ, thao giảng, hội giảng, báo cáo chuyên đề, làm đồ dùng dạy học...), đưa vào kế hoạch giáo dục của nhà trường nhằm đảm bảo mục tiêu quản lý chuyên môn, hỗ trợ đồng nghiệp và làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định.

*Lưu ý: Việc thực hiện các hoạt động dự giờ, thao giảng, hội giảng, báo cáo chuyên đề, làm đồ dùng dạy học đảm bảo mục tiêu quản lý chuyên môn, hỗ trợ đồng nghiệp một cách thiết thực hiệu quả, không lãng phí, hình thức, đồng thời không gây áp lực cho giáo viên, học sinh. Việc dự giờ hỗ trợ đồng nghiệp được minh chứng thông qua phiếu đánh giá giờ dạy theo các phụ lục về tiêu chí đánh giá giờ dạy./.*





| Nội dung   | Mục T.chí | Tiêu chí  | Điểm | Đánh giá |
|--|-----------|---|------|----------|
| 2. Kế hoạch bài dạy (giáo án) và tài liệu dạy học<br>(30 điểm) | 1.1       | Mức độ phù hợp của chuỗi <i>hoạt động học</i> với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng.                               | 5    |          |
|  | 1.2       | Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, cách tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi <i>nhiệm vụ học tập</i> .                          | 10   |          |
|  | 1.3       | Mức độ phù hợp của <i>thiết bị dạy học</i> và <i>học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh.                   | 10   |          |
|  | 1.4       | Mức độ hợp lí của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh.                               | 5    |          |
| 2. Tổ chức hoạt động học tập cho học sinh<br>(35 điểm)         | 2.1       | Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của phương pháp và hình thức chuyển <i>giao nhiệm vụ học tập</i> .                                   | 10   |          |
|  | 2.2       | Khả năng <i>theo dõi, quan sát, phát hiện</i> kịp thời những khó khăn của học sinh.   | 10   |          |
|  | 2.3       | Mức độ phù hợp, hiệu quả của các <i>biện pháp hỗ trợ</i> và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. | 10   |          |
|  | 2.4       | Khả năng <i>tổng hợp, phân tích, đánh giá</i> kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh.                                    | 5    |          |
| 2. Hoạt động của học sinh<br>(35 điểm)                         | 3.1       | Khả năng <i>tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh trong lớp.  | 5    |          |
|  | 3.2       | Mức độ <i>tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác</i> của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.                             | 10   |          |
|  | 3.3       | Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong <i>trình bày, trao đổi, thảo luận</i> về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.                | 10   |          |
|  | 3.4       | Mức độ <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.                                     | 10   |          |
| <b>Tổng điểm</b>   |           |   | 100  |          |

\* Xếp loại giờ dạy: Từng mục tiêu chí cho điểm như sau: các tiêu chí 10 điểm (1.2; 1.3; 2.1; 2.2; 2.3; 3.2; 3.3; 3.4) thì giữa các mức độ liền kề chênh lệch nhau 2 điểm; các tiêu chí 5 điểm (1.1; 1.4; 2.4; 3.1) thì giữa các mức độ liền kề chênh lệch nhau 1 điểm.

- Loại Giỏi > 80 điểm và các mục tiêu chí phải đạt 60% số điểm từng tiêu chí.
- Loại Khá từ 65 -> 79 điểm và các mục tiêu chí phải đạt 50% số điểm từng tiêu chí.
- Loại Trung bình: từ 50 —> 64 điểm.
- Loại Chưa đạt yêu cầu: dưới 50 điểm.

### Đánh giá chung

1. Người dự giờ nhận xét:

2. Ý kiến của giáo viên được đánh giá: ...

3. Xếp loại giờ dạy: .....

Người được đánh giá  
(kí và ghi họ tên)

..... ngày ..tháng ..... năm .....

Người đánh giá  
(kí và ghi họ tên)

**\*Chú thích:**

### 1. Diễn giải các tiêu chí

| Nội dung   | T.chí | Tiêu chí   |
|--|-------|--|
| <b>1. Kế hoạch (giáo án) và tài liệu dạy học</b> | 1.1   | <p><i>Mức độ phù hợp của chuỗi hoạt động học với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu gắn gũi với kinh nghiệm sống của học sinh và chỉ có thể được giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kĩ năng cũ; đặt ra được vấn đề/câu hỏi chính của bài học.</li> <li>- Kiến thức mới được thể hiện bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng gắn với vấn đề cần giải quyết; tiếp nối với vấn đề/câu hỏi chính của bài học để học sinh tiếp thu và giải quyết được vấn đề/câu hỏi chính của bài học.</li> <li>- Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống, gắn với tình huống thực tiễn; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể.</li> <li>- Hướng dẫn để học sinh tự xác định vấn đề, nội dung, hình thức thể hiện của sản phẩm vận dụng/mở rộng.</li> </ul> |
|  | 1.2   | <p><i>Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, cách tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi nhiệm vụ học tập:</i></p> <p>Mục tiêu, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; phương thức hoạt động học được tổ chức cho học sinh thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập và đối tượng học sinh.</p>   |
|  | 1.3   | <p>Mức độ phù hợp của <i>thiết bị dạy học và học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh:</p> <p>Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hành động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng, phù hợp với kĩ thuật học tích cực được sử dụng.</p>  |
|  | 1.4   | <p><i>Mức độ hợp lí của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh:</i></p> <p>Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trung gian và sản phẩm học tập cuối cùng của các hoạt động học.</p>  |
| <b>2. Tổ chức hoạt động học tập cho học sinh</b> | 2.1   | <p><i>Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của Phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i></p> <p>Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm bảo cho 100% học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.</p>   |
|  | 2.2   | <p><i>Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh</i></p>  |

|                                  |     |   |
|----------------------------------|-----|---|
|                                  |     | Quan sát được một cách chi tiết quá trình thực hiện nhiệm vụ đến từng học sinh; chủ động phát hiện được khó khăn cụ thể và nguyên nhân mà từng học sinh đang gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.   |
|                                  | 2.3 | <i>Mức độ phù hợp, hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập:</i><br>Chỉ ra cho học sinh những sai lầm có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng khái quát; khuyến khích được học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.   |
|                                  | 2.4 | <i>Khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh:</i><br>Lựa chọn được một số sản phẩm học tập điển hình của học sinh/nhóm học sinh để tổ chức cho học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của giáo viên giúp hầu hết học sinh tích cực tham gia thảo luận, tự đánh giá và hoàn thiện được sản phẩm học tập của mình và của bạn. |
| 2. <b>Hoạt động của học sinh</b> | 3.1 | <i>Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh trong lớp</i><br>Tất cả học sinh tiếp nhận đúng và hăng hái, tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.  |
|                                  | 3.2 | <i>Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập</i><br>Tất cả học sinh tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhiều học sinh/nhóm tỏ ra sáng tạo trong cách thức thực hiện nhiệm vụ   |
|                                  | 3.3 | <i>Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong trình bày, trao đổi, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.</i><br>Tất cả học sinh tích cực, hăng hái, tự tin trong việc trình bày, trao đổi ý kiến, quan điểm của cá nhân; các nhóm thảo luận sôi nổi, tự nhiên; các nhóm trưởng đều tỏ ra biết cách điều hành và khái quát nội dung trao đổi, thảo luận của nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.            |
|                                  | 3.4 | <i>Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh</i><br>Tất cả học sinh đều trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; nhiều câu trả lời/đáp án mà học sinh đưa ra thể hiện sự sáng tạo trong suy nghĩ và cách thể hiện.   |

## 2. Hướng dẫn xếp loại giờ dạy

Mỗi tiêu chí, khi đánh giá được chia làm 5 mức độ từ thấp đến cao: 1, 2, 3, 4, 5. Mỗi mức độ liền kề chênh nhau 1,0 điểm. Cụ thể là:

+ *Mức độ 5*: mức độ này phải đạt đầy đủ các yêu cầu của tiêu chí và phải có đầy đủ minh chứng để công nhận.

+ *Mức độ 4*: mức độ này phải đạt hầu hết các yêu cầu của tiêu chí và có những

minh chứng cốt lõi để công nhận (chọn lựa mức 4 khi có đủ minh chứng vượt quá mức 3 nhưng chưa đủ để công nhận ở mức 5).

- *Mức độ 3*: mức độ này phải đạt ít nhất 50% các yêu cầu của tiêu chí và có minh chứng rõ ràng để công nhận.

+ *Mức độ 2*: mức độ này chỉ đạt một phần các yêu cầu của tiêu chí và có ít minh chứng để công nhận (chọn lựa mức 2 khi có đủ minh chứng vượt quá mức 1 nhưng chưa đủ để công nhận mức độ 3).

1- *Mức độ 1*: mức độ này hoàn toàn chưa đạt hoặc đạt được rất ít các yêu cầu của tiêu chí và chưa có minh chứng để công nhận.

\* **Lưu ý**: trường hợp đủ điểm, nhưng không đủ các điều kiện xếp loại thì được xếp ở loại dưới liền kề.

### **3. Phân tích đánh giá tiết dự giờ**

Việc phân tích, rút kinh nghiệm hoạt động học cụ thể trong giờ học, cần lưu ý một số vấn đề sau:

#### *1. Mô tả hành động của học sinh trong mọi hoạt động học:*

Mô tả rõ ràng, chính xác những hành động mà học sinh/nhóm học sinh đã thực hiện trong hoạt động học được đưa ra phân tích.

#### *Đánh giá kết quả/hiệu quả của hoạt động học:*

Với mọi hoạt động học được mô tả như trên, phân tích và đánh giá về kết quả/hiệu quả của hoạt động học đã được thực hiện.

#### *2. Phân tích nguyên nhân ưu điểm/hạn chế của hoạt động học:*

Phân tích rõ tại sao học sinh đã học được/chưa học được kiến thức, kỹ năng cần dạy thông qua mục tiêu, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành.

#### *3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động học:*

Để nâng cao kết quả/hiệu quả hoạt động học của học sinh cần phải điều chỉnh, bổ sung những gì về:

- Mục tiêu, nội dung, phương thức, sản phẩm học tập của hoạt động học.
- Kỹ thuật tổ chức hoạt động học của học sinh: chuyển giao nhiệm vụ học tập; quan sát, hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập; tổ chức, hướng dẫn học sinh báo cáo, thảo luận về sản phẩm học tập; nhận xét, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh./.

**PHỤ LỤC 3. KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY THEO CHỦ ĐỀ/BÀI**  
 (Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrH ngày /9/2024 của Sở GDĐT)

**KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY THEO CHỦ ĐỀ/BÀI**

Tên: Chủ đề/Bài: ..... Số tiết: .....

Ngày soạn: .....

Tiết theo phân phối chương trình: .....

Tuần dạy: .....

**2. Nội dung chủ đề**

.....  
 .....

**II. Mục tiêu**

Xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ theo chương trình hiện hành và định hướng phát triển năng lực học sinh:

2. Kiến thức: xác định cụ thể các mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao.

.....  
 .....

2. Kỹ năng:

.....  
 .....

2. Thái độ:

.....  
 .....

2. Định hướng năng lực hình thành:

.....  
 .....

**III. Xác định và mô tả các mức độ yêu cầu (xây dựng bảng mô tả các mức yêu cầu cần đạt cho mỗi loại câu hỏi/bài tập trong chủ đề)**

| Nội dung       | Nhận biết               | Thông hiểu              | Vận dụng                | Vận dụng cao            |
|----------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Nội dung 1:... | (Mô tả yêu cầu cần đạt) | (Mô tả yêu cầu cần đạt) | (Mô tả yêu cầu cần đạt) | (Mô tả yêu cầu cần đạt) |
| Nội dung 2:... | (Mô tả yêu cầu cần đạt) | (Mô tả yêu cầu cần đạt) | (Mô tả yêu cầu cần đạt) | (Mô tả yêu cầu cần đạt) |
| Nội dung....   | (Mô tả yêu cầu cần đạt) | (Mô tả yêu cầu cần đạt) | (Mô tả yêu cầu cần đạt) | (Mô tả yêu cầu cần đạt) |

#### IV. Biên soạn các câu hỏi/bài tập

.....

.....

#### V. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

##### 1. Chuẩn bị của giáo viên

.....

.....

##### 2. Chuẩn bị của học sinh

.....

.....

#### VI. Tổ chức các hoạt động học tập

##### 2. Ôn định lớp

.....

.....

##### 2. Kiểm tra bài cũ

.....

.....

##### 3. Thiết kế tiến trình dạy học

**3.1. Hoạt động khởi động/mở đầu** (tạo tâm thế học tập, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới)

- Mục tiêu:

.....

.....

- Phương thức/phương pháp:

+ Đàm thoại, nêu vấn đề, phát vấn, gợi mở...

+ Hoạt động cá nhân/cả lớp/nhóm/cặp đôi....

.....

.....

- Sản phẩm mong đợi/Gợi ý sản phẩm:

.....

.....

- Giáo viên nhận xét, dẫn dắt vào bài mới:

.....

.....

**3.2. Hoạt động hình thành kiến thức** (Giúp HS lĩnh hội được KT, KN mới và đưa các KT, KN mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng của bản thân. GV sẽ giúp HS xây dựng kiến thức mới của bản thân trên cơ sở tổ chức các hoạt động học tập)

Trong việc biên soạn giáo án, hoạt động hình thành kiến thức, giáo viên có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án sau đây:

##### **Phương án 1:**

Hoạt động 1: Dựa vào nội dung đề mục của bài/chủ đề đặt tên cho hoạt động

- Mục tiêu:

(Kiến thức/kỹ năng)

.....

.....

- Phương thức/phương pháp:

- + Diễn giảng, thuyết tình, câu hỏi, bài tập, ...
- + Hoạt động cá nhân/cả lớp/nhóm/cặp đôi...

.....

.....

Hoạt động trên tiến hành theo các bước được gợi ý như sau:

Bước 1: Giáo viên tổ chức hoạt động và giao nhiệm vụ cho học sinh

Bước 2: Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ được giao

Bước 3: Giáo viên dự kiến sản phẩm (Gợi ý sản phẩm)

Bước 4: Học sinh nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu, trao đổi, thảo luận, trình bày, báo cáo sản phẩm

Bước 5: Giáo viên nhận xét, đánh giá hoạt động, sản phẩm của học sinh.

Hoạt động 2: Dựa vào nội dung đề mục của bài/chủ đề đặt tên cho hoạt động (Các bước tiến hành như hoạt động 1. Hoạt động hình thành kiến thức tổ chức bao nhiêu hoạt động tùy thuộc vào nội dung của chủ đề/bài).

**Phương án 2:**

Hoạt động 1: Dựa vào nội dung đề mục của bài/chủ đề đặt tên cho hoạt động

- Mục tiêu:

(Kiến thức/kỹ năng)

.....

.....

- Phương thức/phương pháp:

+ Diễn giảng, thuyết trình, câu hỏi, bài tập, ...

+ Hoạt động cá nhân/cả lớp/nhóm/cặp đôi...

Hoạt động trên được tiến hành theo các bước gợi ý như sau:

| <b>Hoạt động của giáo viên và học sinh</b>   | <b>Nội dung chính (kiến thức cần đạt)</b> |
|--|---|
| Bước 1: Giáo viên tổ chức hoạt động và giao nhiệm vụ cho học sinh.<br>Bước 2: Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ được giao.<br>Bước 3: Giáo viên dự kiến sản phẩm (Gợi ý sản phẩm)<br>Bước 4: Học sinh nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu, trao đổi, thảo luận, trình bày, báo cáo sản phẩm.<br>Bước 5: Giáo viên nhận xét, đánh giá hoạt động, sản phẩm của học sinh. |   |

- Hoạt động 2: Dựa vào nội dung đề mục của bài/chủ đề đặt tên cho hoạt động (Các bước tiến hành như hoạt động 1. Hoạt động hình thành kiến thức tổ chức bao nhiêu hoạt động tùy thuộc vào nội dung của chủ đề/bài)

**Phương án 3:**

Hoạt động 1: Dựa vào nội dung đề mục của bài/chủ đề đặt tên cho hoạt động

- Mục tiêu:

(Kiến thức/kỹ năng)



.....  
 .....  
 - Phương thức/phương pháp:

+ Diễn giảng, thuyết trình, câu hỏi, bài tập, ...

+ Hoạt động cá nhân/cả lớp/nhóm/cặp đôi....  
 .....  
 .....

Hoạt động trên tiến hành theo các bước được gợi ý như sau:

| Hoạt động của giáo viên   | Hoạt động của HS  | Nội dung chính (kiến thức cần đạt) |
|---|---|------------------------------------|
| Bước 1: Tổ chức hoạt động và giao nhiệm vụ cho học sinh.<br><br>Bước 3: Dự kiến sản phẩm (Gợi ý sản phẩm).<br><br>Bước 5: Nhận xét, đánh giá hoạt động, sản phẩm của HS | Bước 2: Tiếp nhận nhiệm vụ được giao<br><br>Bước 4: Học sinh nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu, trao đổi, thảo luận, trình bày, báo cáo sản phẩm. |                                    |

Hoạt động 2: Dựa vào nội dung đề mục của bài/chủ đề đặt tên cho hoạt động (Các bước tiến hành như hoạt động 1. Hoạt động hình thành kiến thức tổ chức bao nhiêu hoạt động tùy thuộc vào nội dung của chủ đề/bài).

**3.3. Hoạt động luyện tập** (giúp HS củng cố, hoàn thiện KT, KN vừa lĩnh hội được)

- Mục tiêu:

(Kiến thức/kĩ năng)  
 .....  
 .....

- Phương thức/phương pháp:

+ Phát vấn, câu hỏi, bài tập...

+ Hoạt động cá nhân  
 .....  
 .....

- Dự kiến sản phẩm (Gợi ý sản phẩm):  
 .....  
 .....

- Nhận xét, đánh giá sản phẩm, hoạt động:  
 .....  
 .....

**3.4. Hoạt động vận dụng** (HS vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống)

- Mục tiêu:

(Kiến thức/kỹ năng)

.....  
 .....

- Phương thức/phương pháp:

+ Bài tập, câu hỏi, tình huống...

+ Hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm ....

.....  
 .....

- Dự kiến sản phẩm (Gợi ý sản phẩm): bài giải, câu trả lời, sản phẩm thực hành, bài viết, thuyết trình:

.....  
 .....

- Nhận xét, đánh giá sản phẩm, hoạt động:

.....  
 .....

**3.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

- Mục tiêu:

(Kiến thức/kỹ năng)

.....  
 .....

- Phương thức/phương pháp:

+ Nghiên cứu tài liệu, làm bài tập, trải nghiệm thực tế cuộc sống, HS có thể tự đưa ra tình huống, bài tập và giải quyết

+ Hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm

.....  
 .....

.....Dự kiến sản phẩm (Gợi ý sản phẩm): bài giải, tư liệu sưu tầm, bài báo cáo, sản phẩm nghiên cứu khoa học....

.....  
 .....

- Nhận xét, đánh giá sản phẩm, hoạt động:

.....  
 .....

**Lưu ý:**

- Hoạt động vận dụng, tìm tòi mở rộng chủ yếu giao cho học sinh thực hiện ở nhà (có thể là dự án nhỏ, giải quyết tình huống thực tiễn có liên quan đến bài học... học sinh có thể trình bày trên bản Word hoặc Powerpoint).

- Đây là khung kế hoạch bài dạy theo chủ đề, nếu xây dựng kế hoạch bài dạy theo bài thì bỏ các mục I, III, IV. Khi soạn giáo án mục III, IV có thể bố trí xuống vị trí cuối bài học.

- Hiệu trưởng/ tổ chuyên môn hướng dẫn giáo viên tham khảo các phương án để vận dụng phù hợp với từng môn học, không bắt buộc áp dụng rập khuôn, máy móc./.

**PHỤ LỤC 4. KHUNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**  
(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrH ngày /9/2024 của Sở GDĐT)

PHÒNG/SỞ.....  
TRƯỜNG.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /KH....

....., ngày tháng năm 2024

**KHUNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

2. Căn cứ xây dựng kế hoạch (*căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn*)

**II. Đánh giá bối cảnh giáo dục chung của cả nước, của tỉnh và của nhà trường năm học 2024-2025**

**1. Bối cảnh giáo dục chung của cả nước, của tỉnh**

1.1. Thời cơ

1.2. Thách thức

**2. Bối cảnh giáo dục của nhà trường**

2.1. Điểm mạnh của nhà trường

2.2. Điểm yếu của nhà trường

2.3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường

**III. Các điều kiện thực hiện chương trình trong năm học 2024-2025**

**1. Điều kiện cơ sở vật chất** (*phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng thiết bị, thư viện, phòng chức năng, khu nội trú, bếp ăn...*)

**2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên**

**3. Số lượng học sinh, số lớp**

**IV. Mục tiêu giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025**

**1. Mục tiêu chung**

**2. Mục tiêu cụ thể**

2.1. Chỉ tiêu chất lượng hai mặt giáo dục

- Chỉ tiêu các môn thi tuyển sinh lớp 10, TN THPT

| Bộ môn | Tổng số HS | Dưới 2,0 điểm |    | 2,0-3,4 điểm |    | 3,5-4,9 điểm |    | 5,0-6,4 điểm |    | 6,5-6,9 điểm |    | 7,0-7,9 điểm |    | 8,0-8,9 điểm |    | 9,0-9,9 điểm |    | 10,0 điểm |    | TB trở lên |    |  |
|--------|------------|---------------|----|--------------|----|--------------|----|--------------|----|--------------|----|--------------|----|--------------|----|--------------|----|-----------|----|------------|----|--|
|        |            | SL            | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL        | TL | SL         | TL |  |
|        |            |               |    |              |    |              |    |              |    |              |    |              |    |              |    |              |    |           |    |            |    |  |

- Chỉ tiêu các môn thi TN THPT

- *Phổ điểm*

| TT | Môn  | Số thí sinh | Điểm trung bình trường | Xếp hạng |
|----|------|-------------|------------------------|----------|
| 1  | GDCD |             |                        |          |
| 2  | Sinh |             |                        |          |
| 3  | Hóa  |             |                        |          |
| 4  | Văn  |             |                        |          |
| 5  | Lý   |             |                        |          |



**2.2. Chỉ tiêu chất lượng bộ môn**

| Bộ môn  | Tổng số HS | Tốt |        | Khá |        | Đạt |        | Chưa đạt |        |
|---------|------------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|----------|--------|
|         |            | SL  | TL (%) | SL  | TL (%) | SL  | TL (%) | SL       | TL (%) |
| Toán    |            |     |        |     |        |     |        |          |        |
| Ngữ văn |            |     |        |     |        |     |        |          |        |
| .....   |            |     |        |     |        |     |        |          |        |

2.3. Chỉ tiêu bồi dưỡng học sinh giỏi

2.4. Chỉ tiêu phụ đạo học sinh yếu kém

2.5. Chỉ tiêu thực hiện nền nếp chuyên môn; chỉ tiêu về danh hiệu thi đua

2.6. Các chỉ tiêu khác

V. Khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình trong năm học của nhà trường (căn cứ khung kế hoạch thời gian năm học của UBND tỉnh)

**VI. Kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục** (bao gồm các hoạt động giáo dục tích hợp, liên môn và nội dung giáo dục địa phương, ...)

**1. Kế hoạch giáo dục cấp THCS và cấp THPT**

**1.1. Kế hoạch giáo dục cấp THCS**

Chương trình GDPT 2018 (Lớp 6, 7, 8, 9); Chương trình theo Thông tư số 36/2021/TT-BGDĐT (đối với hệ GDTX)

| Nội dung giáo dục | Số tiết/năm học |       |              |
|-------------------|-----------------|-------|--------------|
|                   | Lớp 6           | Lớp 7 | Lớp 8, Lớp 9 |
|                   |                 |       |              |
| .....             |                 |       |              |

**1.2. Kế hoạch giáo dục cấp THPT**

\* Chương trình GDPT 2018, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT (Lớp 10, 11, 12) và Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT (đối với GDTX)

| Nội dung giáo dục       |         | Số tiết/năm học/lớp |
|-------------------------|---------|---------------------|
| <b>Môn học bắt buộc</b> | Ngữ văn |                     |
|                         | Toán    |                     |
|                         | .....   |                     |
| <b>Môn học lựa chọn</b> | .....   |                     |
| .....                   |         |                     |

2. Kế hoạch giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục (*đính kèm phụ lục phân phối chương trình từng môn học và hoạt động giáo dục*)

3. Kế hoạch phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

4. Thời khóa biểu (theo tuần, tháng, hoặc học kỳ)

5. Tổ chức và tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

6. Công tác thi đua, khen thưởng

**VII. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục chung trong nhà trường và tổ chức cho giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh tham gia hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng**

**VIII. Kế hoạch huy động, bố trí và sử dụng các nguồn lực xã hội** (*bảo đảm khả thi, chất lượng, hiệu quả và đúng quy định*)

**IX. Các hoạt động ngoại khóa, tổ chức dạy khởi nghiệp, hoạt động câu lạc bộ và các hoạt động đặc thù khác** (*đôi với trường THPT chuyên, PTDTNT, Thực hành Sư phạm*)

**X. Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập**

**XI. Tổ chức và quản lý hoạt động dạy thêm và học thêm trong nhà trường**

**XII. Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

**XII. Giải pháp thực hiện**

1. Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của nhà trường

2. Đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

3. Thực hiện chương trình các môn học và hoạt động giáo dục

4. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

5. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

6. Đổi mới công tác quản lý, sinh hoạt tổ chuyên môn và thực hiện quy chế chuyên môn

7. Thực hiện chuyển đổi số trong quản lý và thực hiện hồ sơ sổ sách chuyên môn

8. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

9. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học

10. Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh

11. Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa thực hiện Chương trình GDPT 2018 (nếu có)

...

**XII. Tổ chức thực hiện**

....

*Nơi nhận:*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG/TRUNG TÂM**



### 2.4. Kết quả học tập và rèn luyện năm học 2024-2025

| Lớp    | Tổng số học sinh | Kết quả học tập |    |     |    |     |    |          |    | Kết quả rèn luyện |    |     |    |     |    |          |    |  |  |
|--------|------------------|-----------------|----|-----|----|-----|----|----------|----|-------------------|----|-----|----|-----|----|----------|----|--|--|
|        |                  | Tốt             |    | Khá |    | Đạt |    | Chưa đạt |    | Tốt               |    | Khá |    | Đạt |    | Chưa đạt |    |  |  |
|        |                  | SL              | TL | SL  | TL | SL  | TL | SL       | TL | SL                | TL | SL  | TL | SL  | TL | SL       | TL |  |  |
| Lớp 6  |                  |                 |    |     |    |     |    |          |    |                   |    |     |    |     |    |          |    |  |  |
| ...    |                  |                 |    |     |    |     |    |          |    |                   |    |     |    |     |    |          |    |  |  |
| Lớp 11 |                  |                 |    |     |    |     |    |          |    |                   |    |     |    |     |    |          |    |  |  |

### 2.5. Kết quả thi tuyển sinh lớp 10 và tốt nghiệp THPT năm 2025

| Bộ môn | Tổng số HS | Dưới 2,0 điểm |    | 2,0-3,4 điểm |    | 3,5-4,9 điểm |    | 5,0-6,4 điểm |    | 6,5-6,9 điểm |    | 7,0-7,9 điểm |    | 8,0-8,9 điểm |    | 9,0-9,9 điểm |    | 10,0 điểm |    | TB trở lên |    |  |
|--------|------------|---------------|----|--------------|----|--------------|----|--------------|----|--------------|----|--------------|----|--------------|----|--------------|----|-----------|----|------------|----|--|
|        |            | SL            | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL           | TL | SL        | TL | SL         | TL |  |
|        |            |               |    |              |    |              |    |              |    |              |    |              |    |              |    |              |    |           |    |            |    |  |

\* Chỉ tiêu các môn thi TN THPT

- Phổ điểm

| TT   | Môn                           | Số thí sinh | Điểm TB của trường | Xếp hạng |
|--|-------------------------------|-------------|--------------------|----------|
| 1  | Giáo dục kinh tế và pháp luật |             |                    |          |
| 2  | Sinh                          |             |                    |          |
| 3  | Hóa                           |             |                    |          |
| 4  | Văn                           |             |                    |          |
| 5  | Lý                            |             |                    |          |
| 6  | Địa                           |             |                    |          |
| 7  | Sử                            |             |                    |          |
| 8  | Toán                          |             |                    |          |
| 9  | TA                            |             |                    |          |
| ...  | ...                           |             |                    |          |
| <b>Điểm bình quân tốt nghiệp của trường:</b> |                               |             |                    |          |

- Tỷ lệ TN THPT



| <b>TT</b>                        | <b>Môn</b>                    | <b>Số thí sinh</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> | <b>Xếp hạng</b> |
|----------------------------------|-------------------------------|--------------------|------------------|-----------------|
| 1                                | Giáo dục kinh tế và pháp luật |                    |                  |                 |
| 2                                | Sinh                          |                    |                  |                 |
| 3                                | Hóa                           |                    |                  |                 |
| 4                                | Văn                           |                    |                  |                 |
| 5                                | Lý                            |                    |                  |                 |
| 6                                | Địa                           |                    |                  |                 |
| 7                                | Sử                            |                    |                  |                 |
| 8                                | Toán                          |                    |                  |                 |
| 9                                | TA                            |                    |                  |                 |
| ...                              | ...                           |                    |                  |                 |
| <b>Tỷ lệ TN THPT trường (%):</b> |                               |                    |                  |                 |

Tôi cam kết quyết tâm hoàn thành tốt những nhiệm vụ được phân công và đảm bảo đạt chất lượng giáo dục theo cam kết trong năm học 2024-2025./.

... , ngày .....tháng .....năm 2024

**Người cam kết**

**Hiệu trưởng/Giám đốc**  
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục 6. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG  
TỈNH TRÀ VINH LỚP 9**

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrH ngày /9/2024 của Sở GDĐT)

| TT  | CHỦ ĐỀ/BÀI   | YÊU CẦU CẦN ĐẠT  | SỐ TIẾT  |
|---|--|--|----------|
| <b>1. CHỦ ĐỀ 1: VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG</b> |  |  |          |
| 1.1   | <b>BÀI 1. TÁC GIẢ, TÁC PHẨM VĂN HỌC Ở TRÀ VINH</b>                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được khái quát về tác giả, tác phẩm văn học ở Trà Vinh.</li> <li>- Phân tích, lí giải, đánh giá được nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm/đoạn trích văn học được học.</li> <li>- Thể hiện sự trân trọng và giữ gìn tác phẩm/đoạn trích văn học của địa phương.</li> </ul>   | <b>4</b> |
| 1.2   | <b>BÀI 2. LỊCH SỬ TỈNH TRÀ VINH TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1954</b>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những chuyên biên về chính trị, kinh tế, xã hội ở Trà Vinh sau hiến tranh thế giới thứ nhất.</li> <li>- Trình bày được những nét tiêu biểu phong trào cách mạng ở Trà Vinh từ năm 1919 đến năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.</li> <li>- Tóm tắt được cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).</li> <li>- Nhận thức đúng về vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đối với các thắng lợi của nhân dân Trà Vinh từ năm 1930 đến năm 1954.</li> </ul> | <b>4</b> |
| 1.3   | <b>BÀI 3: LỊCH SỬ TỈNH TRÀ VINH TỪ NĂM 1954 ĐẾN NAY</b>                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Trà Vinh (1954-1975).</li> <li>- Khái quát được tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội ở Trà Vinh trong 10 năm đầu trước công cuộc đổi mới đất nước.</li> <li>- Trình bày được thành tựu trong công cuộc đổi mới (từ năm 1986 đến nay) ở Trà Vinh.</li> <li>- Có ý thức trách nhiệm đối với việc xây dựng và bảo vệ quê hương Trà Vinh hiện nay.</li> </ul>                                      | <b>4</b> |
| <b>2. CHỦ ĐỀ 2: ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP</b> |  |  |          |
| 2.1   | <b>BÀI 4. ĐỊA LÍ DU LỊCH TRÀ VINH</b>                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được đặc điểm, tình hình phát triển du lịch của tỉnh Trà Vinh.</li> <li>- Kể tên được một số loại hình du lịch ở Trà Vinh.</li> <li>- Giới thiệu được một số địa điểm du lịch nổi tiếng ở tỉnh Trà Vinh.</li> <li>- Thu thập được tài liệu để viết báo cáo và trình bày về một số loại hình du lịch tiêu biểu ở Trà Vinh.</li> </ul>  | <b>4</b> |
| 2.2   | <b>BÀI 5. PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN ĐẢO Ở TRÀ VINH</b>                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những điều kiện phát triển kinh tế biển ở Trà Vinh.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, vị thế của các ngành kinh tế biển ở Trà Vinh.</li> <li>- Xác định được sự phân bố của các ngành kinh tế biển ở Trà Vinh.</li> <li>- Nhận xét được sự phát triển các ngành kinh tế biển ở Trà Vinh qua phân tích bảng số liệu hoặc biểu đồ.</li> </ul>  | <b>3</b> |
| 2.3   | <b>BÀI 6. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP Ở TỈNH TRÀ VINH VÀ ĐỊNH HƯỚNG</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở tỉnh Trà Vinh.</li> <li>- Tham vấn được ý kiến của người thân, thầy cô giáo về các ngành nghề có lợi thế, tiềm năng của tỉnh Trà Vinh.</li> </ul>  | <b>2</b> |

|  |   |  |          |
|--|---|--|----------|
|  | <b>NGHỀ NGHIỆP SAU KHI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ</b>         | - Quyết định lựa chọn con đường học tập phù hợp với đặc điểm, nhu cầu và các cơ sở nghề nghiệp ở địa phương sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.  |          |
| <b>3. CHỦ ĐỀ 3: CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG</b> |   |  |          |
| 3.1  | <b>BÀI 7. ĐẢNG BỘ TỈNH TRÀ VINH</b>                           | - Nêu được quá trình thành lập Đảng bộ tỉnh Trà Vinh.<br>- Trình bày được các kỳ đại hội của Đảng bộ tỉnh Trà Vinh từ 1975 đến nay.<br>- Chấp hành mọi chủ trương, đường lối của Đảng; có ý thức học tập, rèn luyện nhằm góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.               | <b>2</b> |
| 3.2  | <b>BÀI 8. CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở TỈNH TRÀ VINH</b>       | - Nêu được một số chính sách an sinh xã hội ở tỉnh Trà Vinh.<br>- Nêu được một số hoạt động thực hiện chính sách an sinh xã hội ở tỉnh Trà Vinh và ý nghĩa của những hoạt động đó.<br>- Tích cực tham gia các hoạt động góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với lứa tuổi. | <b>2</b> |
| 3.3  | <b>BÀI 9. CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG Ở TỈNH TRÀ VINH</b>        | - Trình bày được các vấn đề về môi trường ở tỉnh Trà Vinh.<br>- Đề xuất được các biện pháp bảo vệ môi trường ở tỉnh Trà Vinh.<br>- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường ở địa phương  | <b>3</b> |
| 3.4  | <b>BÀI 10. TÁI CHẾ VẬT LIỆU PHÉ THẢI ĐỂ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b> | - Đề xuất được một số ý tưởng sử dụng vật liệu phế thải để tái chế, giảm thiểu rác thải.<br>- Thực hiện được dự án tái chế, sử dụng vật liệu phế thải, góp phần bảo vệ môi trường ở địa phương.<br>- Tích cực tham gia các hoạt động tái chế vật liệu phế thải ở địa phương.               | <b>3</b> |

**Ghi chú:** Nội dung Giáo dục địa phương: 35 tiết/năm học, trong đó:

- Tổng số tiết: 31 tiết thực dạy + kiểm tra, đánh giá định kì.
- Chương trình học kì I, tổng số tiết là 18 tiết: 16 tiết (từ Bài 1 đến Bài 4) + kiểm tra, đánh giá định kì.
- Chương trình học kì II, tổng số tiết là 17 tiết: 15 tiết (từ Bài 5 đến Bài 10) + kiểm tra, đánh giá định kì./.

**Phụ lục 7. LỊCH THỰC HIỆN HỘI GIẢNG, BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CẤP TỈNH  
NĂM HỌC 2024-2025**

(kèm Công văn số /SGDDĐT-GDTrH ngày /9/2024 của Sở GDĐT Trà Vinh)

**1. CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ**

| TT                   | Đơn vị thực hiện              | Hội giảng/<br>Báo cáo chuyên đề                        | Môn thực hiện  |
|----------------------|-------------------------------|--|--|
| <b>THÁNG 11/2024</b> |                               |  |  |
| 1                    | Phòng GDĐT huyện Tiểu Cần     | 01 tiết hội giảng                                      | <b>Lịch sử</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Tiểu Cần chọn và chuẩn bị                                |
|                      | Phòng GDĐT huyện Trà Cú       | 01 báo cáo chuyên đề                                   |  |
| 2                    | Phòng GDĐT huyện Cầu Ngang    | 01 báo cáo chuyên đề                                   | <b>Tiếng Anh</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Càng Long chọn và chuẩn bị                             |
|                      | Phòng GDĐT huyện Càng Long    | 01 tiết hội giảng                                      |  |
| 3                    | Phòng GDĐT thị xã Duyên Hải   | 01 báo cáo chuyên đề                                   |  |
| 4                    | Phòng GDĐT thành phố Trà Vinh | 01 tiết hội giảng                                      | <b>Giáo dục công dân</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT thành phố Trà Vinh chọn và chuẩn bị                  |
|                      | Phòng GDĐT huyện Trà Cú       | 01 báo cáo chuyên đề                                   |  |
| 5                    | Phòng GDĐT huyện Trà Cú       | 01 tiết hội giảng và 01 báo cáo chuyên đề              | <b>Địa lí</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Trà Cú chọn và chuẩn bị                                   |
| 6                    | Phòng GDĐT huyện Càng Long    | 01 tiết hội giảng/01 hoạt động và 01 báo cáo chuyên đề | <b>Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Càng Long chọn và chuẩn bị |
| 7                    | Phòng GDĐT huyện Châu Thành   | Hội giảng  | <b>Giáo dục thể chất</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng do Phòng GDĐT huyện Châu Thành chọn   |

|                      |   |                             |  |
|----------------------|---|-----------------------------|--|
| 8                    | Phòng GDĐT thị xã Duyên Hải             | 01 tiết hội giảng           | <b>Mỹ thuật</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT thị xã Duyên Hải chọn và chuẩn bị           |
|                      | Phòng GDĐT huyện Duyên Hải              | 01 báo cáo chuyên đề        |  |
| 9                    | Phòng GDĐT huyện Châu Thành             | 01 tiết hội giảng (GD STEM) | <b>Toán</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Trà Cú chọn và chuẩn bị                   |
|                      | Phòng GDĐT huyện Trà Cú                 | 01 tiết báo cáo chuyên đề   |  |
| 10                   | Phòng GDĐT huyện Duyên Hải              | 01 tiết hội giảng           | <b>Âm nhạc</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Duyên Hải chọn và chuẩn bị             |
|                      | Phòng GDĐT huyện Trà Cú                 | 01 báo cáo chuyên đề        |  |
| 11                   | Phòng GDĐT huyện Duyên Hải              | 01 tiết hội giảng           | <b>Công nghệ</b><br>Phòng GDĐT huyện Duyên Hải phân công đơn vị chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề |
|                      | Phòng GDĐT huyện Duyên Hải              | 01 báo cáo chuyên đề        |  |
| 12                   | Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Trà Cú | 01 tiết hội giảng           | <b>Hoá học</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do PTDTNT THCS và THPT huyện Trà Cú chọn và chuẩn bị       |
|                      | Phòng GDĐT huyện Cầu Kè                 | 01 báo cáo chuyên đề        |  |
| 13                   | Phòng GDĐT huyện Tiểu Cần               | 01 tiết hội giảng           | <b>Sinh học</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Tiểu Cần chọn và chuẩn bị             |
|                      | Phòng GDĐT thành phố Trà Vinh           | 01 báo cáo chuyên đề        |  |
| <b>THÁNG 12/2024</b> |   |                             |  |

|                      |                               |                            |  |
|----------------------|-------------------------------|----------------------------|--|
| 14                   | Phòng GDĐT huyện Càng Long    | Hội giảng                  | <b>Giáo dục thể chất</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng do Phòng GDĐT huyện Càng Long chọn                      |
| 14                   | Phòng GDĐT thành phố Trà Vinh | 01 báo cáo chuyên đề       | <b>Vật lí</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng do Phòng GDĐT TP Trà Vinh chọn                                     |
| <b>THÁNG 01/2025</b> |                               |                            |  |
| 16                   | Phòng GDĐT huyện Trà Cú       | 01 tiết hội giảng          | <b>Ngữ văn</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Trà Cú chọn và chuẩn bị    |
|                      | Phòng GDĐT thị xã Duyên Hải   | 01 báo cáo chuyên đề       |  |
| 17                   | Phòng GDĐT huyện Trà Cú       | 01 tiết hội giảng          | <b>Giáo dục thể chất</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng do Phòng GDĐT huyện Trà Cú chọn                         |
| 18                   | Phòng GDĐT huyện Càng Long    | 01 tiết báo cáo chuyên đề  | <b>Toán</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Càng Long chọn và chuẩn bị.   |
|                      | Phòng GDĐT thành Phố Trà Vinh | 01 tiết hội giảng (Khối 9) |  |
| 19                   | Phòng GDĐT huyện Càng Long    | 01 tiết hội giảng          | <b>Hoá học</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Càng Long chọn và chuẩn bị |
|                      | Phòng GDĐT huyện Châu Thành   | 01 báo cáo chuyên đề       |  |
| <b>THÁNG 02/2025</b> |                               |                            |  |
| 20                   | Phòng GDĐT huyện Cầu Ngang    | Hội giảng                  | <b>Giáo dục thể chất</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng do Phòng GDĐT huyện Cầu Ngang chọn                      |
| 21                   | Phòng GDĐT huyện Cầu Kè       | 01 tiết hội giảng          | <b>Vật lí</b>  |

|                     |                               |  |   |
|---------------------|-------------------------------|--|---|
|                     | Phòng GDĐT huyện Tiểu Cần     | 01 báo cáo chuyên đề                                   | Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện chọn và chuẩn bị  |
| 22                  | Phòng GDĐT thành phố Trà Vinh | 01 tiết hội giảng                                      | <b>Công nghệ</b><br>Phòng GDĐT thành phố Trà Vinh phân công đơn vị chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề                 |
|                     | Phòng GDĐT thành phố Trà Vinh | 01 báo cáo chuyên đề                                   |   |
| <b>THÁNG 3/2025</b> |                               |  |   |
| 23                  | Phòng GDĐT huyện Cầu Kè       | 01 tiết hội giảng                                      | <b>Tiếng Anh</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Cầu Kè chọn và chuẩn bị                                 |
|                     | Phòng GDĐT huyện Trà Cú       | 01 báo cáo chuyên đề                                   |   |
| 24                  | Phòng GDĐT thị xã Duyên Hải   | 01 tiết hội giảng                                      | <b>Lịch sử</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT thị xã Duyên Hải chọn và chuẩn bị                               |
| 25                  | Phòng GDĐT thành phố Trà Vinh | 01 tiết hội giảng và 01 báo cáo chuyên đề              | <b>Địa lí</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT thành phố Trà Vinh chọn và chuẩn bị                              |
| 26                  | Phòng GDĐT huyện Cầu Kè       | 01 tiết hội giảng                                      | <b>Giáo dục công dân</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Cầu Kè chọn và chuẩn bị                         |
|                     | Phòng GDĐT huyện Duyên Hải    | 01 báo cáo chuyên đề                                   |   |
| 27                  | Phòng GDĐT huyện Châu Thành   | 01 tiết hội giảng/01 hoạt động và 01 báo cáo chuyên đề | <b>Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Châu Thành chọn và chuẩn bị |
| 28                  | Phòng GDĐT huyện Châu Thành   | 01 tiết hội giảng                                      | <b>Ngữ văn</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Châu Thành chọn và chuẩn bị                               |
|                     | Phòng GDĐT huyện Cầu Ngang    | 01 báo cáo chuyên đề                                   |   |

|                     |   |  |  |
|---------------------|---|--|--|
| 29                  | Phòng GDĐT thành phố Trà Vinh                                     | Báo cáo chuyên đề  | <b>Giáo dục thể chất</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng do Phòng GDĐT Tp Trà Vinh chọn                            |
| 30                  | Phòng GDĐT thị xã Duyên Hải                                       | 01 tiết báo cáo chuyên đề  | <b>Toán</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Cầu Ngang chọn và chuẩn bị      |
|                     | Phòng GDĐT huyện Cầu Ngang  | 01 tiết hội giảng (Khối 8)   |  |
| 31                  | Phòng GDĐT huyện Duyên Hải  | 01 báo cáo chuyên đề   | <b>Vật lí</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Duyên Hải chọn và chuẩn bị    |
| 32                  | Phòng GDĐT huyện Châu Thành                                       | 01 tiết hội giảng  | <b>Âm nhạc</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT huyện Châu Thành chọn và chuẩn bị  |
|                     | Phòng GDĐT thị xã Duyên Hải                                       | 01 báo cáo chuyên đề   |  |
| 33                  | Trường THPT Hòa Minh  | 01 tiết hội giảng  | <b>Hoá học</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Trường THPT Hòa Minh chọn và chuẩn bị         |
|                     | Trường THPT Hòa Lợi   | 01 báo cáo chuyên đề   |  |
| 34                  | Phòng GDĐT thị xã Duyên Hải                                       | 01 tiết hội giảng  | <b>Sinh học</b><br>Địa điểm tổ chức hội giảng, báo cáo chuyên đề do Phòng GDĐT Thị xã Duyên Hải chọn và chuẩn bị |
|                     | Phòng GDĐT huyện Duyên Hải  | 01 báo cáo chuyên đề   |  |
| <b>THÁNG 4/2025</b> |   |  |  |
| 35                  | Phòng GDĐT huyện: Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, thành phố Trà Vinh | Hội thảo chuyên đề - Mỗi Phòng GDĐT chọn, báo cáo một chuyên đề (chủ đề: ôn thi học sinh giỏi, tuyển sinh vào lớp 10, vào THPT chuyên) | <b>Hoá học</b><br>Địa điểm tổ chức hội thảo do Phòng GDĐT huyện Cầu Ngang chọn và chuẩn bị                       |

## 2. CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG/GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

| TT                   | Đơn vị thực hiện | Hội giảng/<br>Báo cáo chuyên đề | Môn thực hiện |
|----------------------|------------------|---------------------------------|---------------|
| <b>THÁNG 11/2024</b> |                  |                                 |               |



|   |   |   |   |
|---|---|---|---|
| 1 | THPT Long Hiệp  | 01 tiết hội giảng                         | <b>Lịch sử</b><br>Trường THPT Long Hiệp chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề  |
|   | THCS và THPT Lương Hòa A                              | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 2 | TTGDNN-GDTX huyện Châu Thành                          | 01 tiết hội giảng                         | <b>Lịch sử</b><br>TTGDNN-GDTX huyện Châu Thành chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề   |
|   | TTGDNN-GDTX huyện Cầu Kè                              | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 3 | THPT Phạm Thái Bường                                  | 01 tiết hội giảng                         | <b>Địa lí</b><br>Trường THPT Phạm Thái Bường chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề   |
|   | THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành                        | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 4 | THPT Long Khánh                                       | 01 tiết hội giảng                         | <b>Giáo dục quốc phòng và an ninh</b><br>Trường THPT Long Khánh chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề                                    |
|   | THPT Đôn Châu   | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 5 | Cụm 1: gồm TP. Trà Vinh, Cầu Kè, Càng Long, Tiểu Cần. | 01 tiết hội giảng<br>01 báo cáo chuyên đề | <b>Vật lí</b><br>Điểm đặt: Trường THPT Cầu Quan<br>Trường THPT Cầu Quan chuẩn bị tiết hội giảng<br>Trường PTDTNT THCS và THPT Tiểu Cần chuẩn bị báo cáo chuyên đề |
| 6 | THPT Vũ Đình Liệu                                     | 01 tiết hội giảng (Khôi 12)               | <b>Toán</b><br>Trường THPT Vũ Đình Liệu chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề  |
|   | THPT Hòa Minh   | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 7 | THPT Dương Háo Học                                    | 01 tiết hội giảng                         | <b>Công nghệ</b><br>Trường THPT Dương Háo Học chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề  |
|   | THPT Nguyễn Đáng                                      | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 8 | THPT Tiểu Cần   | 01 báo cáo chuyên đề                      | <b>Hóa học</b>  |

|                      |   |   |   |
|----------------------|---|---|---|
|                      | THPT Tập Sơn  | 01 tiết hội giảng                         | Trường THPT Tập Sơn chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề  |
| 9                    | THPT Cầu Ngang A  | 01 tiết hội giảng                         | <b>Sinh học</b><br>Trường THPT Cầu Ngang A chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề   |
|                      | THPT Long Khánh   | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 10                   | THPT Tiểu Cần   | 01 tiết hội giảng                         | <b>Ngữ văn</b><br>Trường THPT Tiểu Cần chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề   |
|                      | THPT Đôn Châu   | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| <b>THÁNG 12/2024</b> |   |   |   |
| 11                   | THPT Tập Sơn  | 01 tiết hội giảng                         | <b>Giáo dục kinh tế và pháp luật</b><br>Trường THPT Tập Sơn chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề                                |
|                      | THPT Đại An   | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 12                   | THPT Tập Sơn  | 01 tiết hội giảng                         | <b>Tiếng Anh</b><br>Trường THPT Tập Sơn chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề hội giảng và báo cáo chuyên đề                     |
|                      | THPT Đại An   | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 13                   | THPT Tiểu Cần   | 01 tiết hội giảng                         | <b>Ngữ văn</b><br>Trường THPT Tiểu Cần chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề   |
|                      | THPT Đôn Châu   | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 14                   | THPT Duyên Hải  | 01 tiết hội giảng                         | <b>Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp</b><br>Trường THPT Duyên Hải chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề                        |
|                      | THPT Đôn Châu   | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
|                      | THPT Cầu Ngang B  | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 15                   | Cụm 2: gồm huyện Trà Cú, Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải và TX Duyên Hải | 01 tiết hội giảng<br>01 báo cáo chuyên đề | <b>Vật lí</b><br>Điểm đặt: Trường THPT Long Hiệp<br>Trường THPT Long Hiệp chuẩn bị tiết hội giảng<br>Trường THPT Hàm Giang chuẩn bị báo cáo chuyên đề |
| 16                   | THPT Cầu Ngang B  | 01 báo cáo chuyên đề                      | <b>Hóa học</b>  |

|                      |   |                      |   |
|----------------------|---|----------------------|---|
|                      | THPT Đôn Châu   | 01 tiết hội giảng    | Trường THPT Đôn Châu chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề                         |
| <b>THÁNG 01/2025</b> |   |                      |   |
| 17                   | THPT Vũ Đình Liệu   | 01 tiết hội giảng    | <b>Tiếng Anh</b><br>Trường THPT Vũ Đình Liệu chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề |
|                      | THPT Hòa Lợi  | 01 báo cáo chuyên đề |   |
|                      | THPT Hòa Minh   | 01 báo cáo chuyên đề |   |
| 18                   | THPT Vũ Đình Liệu   | 01 tiết hội giảng    | <b>Ngữ văn</b><br>Trường THPT Vũ Đình Liệu chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề       |
|                      | THPT Bùi Hữu Nghĩa  | 01 báo cáo chuyên đề |   |
| 19                   | THPT Cầu Kè   | 01 tiết hội giảng    | <b>Giáo dục thể chất</b><br>Trường THPT Cầu Kè chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề   |
|                      | THPT Tam Ngãi   | 01 báo cáo chuyên đề |   |
| 20                   | THPT Phong Phú  | 01 báo cáo chuyên đề | <b>Toán</b><br>Trường THPT Dương Háo Học chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề     |
|                      | THPT Dương Háo Học  | Hội giảng (GD STEM)  |   |
| 21                   | Cụm 1: gồm TP. Trà Vinh, Cầu Kè, Càng Long, Tiểu Cần                        | 01 báo cáo chuyên đề | <b>Vật lí</b><br>Điểm đặt: Trường THPT TP. Trà Vinh chuẩn bị báo cáo chuyên đề                              |
| 22                   | THPT Long Hữu   | 01 tiết hội giảng    | <b>Công nghệ</b><br>Trường THPT Long Hữu chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề     |
|                      | THPT Đôn Châu   | 01 báo cáo chuyên đề |   |
| 23                   | Tổ bộ môn Hoá học<br>(Mỗi trường viết một chuyên đề gửi CD về HDBM: 3/2024) | Hội thảo chuyên đề   | <b>Hóa học</b><br>Trường THPT Hòa Lợi chọn thời gian và chuẩn bị hội trường                                 |
| 24                   | PTDTNT THCS và THPT huyện Trà Cú  | 01 tiết hội giảng    | <b>Sinh học</b> Trường THPT DTNT Trà Cú chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề          |

|                     |  |                      |  |
|---------------------|--|----------------------|--|
|                     | THPT Hàm Giang                                       | 01 báo cáo chuyên đề |  |
| 25                  | Cụm 1: gồm TP. Trà Vinh, Cầu Kè, Càng Long, Tiểu Cần | 01 tiết hội giảng    | <b>Vật lí</b><br>Điểm đặt: Trường THPT Phạm Thái Bường<br>Trường THPT Phạm Thái Bường chuẩn bị tiết hội giảng                      |
| <b>THÁNG 3/2025</b> |  |                      |  |
| 26                  | THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành                       | 01 tiết hội giảng    | <b>Tiếng Anh</b><br>Trường THPT Tiểu Cần chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề                            |
|                     | THCS và THPT Lương Hòa A                             | 01 báo cáo chuyên đề |  |
|                     | THPT Tiểu Cần  | 01 báo cáo chuyên đề |  |
|                     | THPT Long Hiệp                                       | 01 báo cáo chuyên đề |  |
| 27                  | THPT Cầu Ngang A                                     | 01 tiết hội giảng    | <b>Lịch sử</b><br>Trường THPT Cầu Ngang A chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề                           |
|                     | THPT Long Khánh                                      | 01 báo cáo chuyên đề |  |
|                     | Tổ bộ môn cấp tỉnh                                   | 01 báo cáo chuyên đề |  |
| 28                  | THPT Cầu Quan  | 01 tiết hội giảng    | <b>Địa lí</b><br>Trường THPT Cầu Quan chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề                               |
|                     | THPT Hiếu Tử   | 01 báo cáo chuyên đề |  |
| 29                  | THPT Phạm Thái Bường                                 | 01 tiết hội giảng    | <b>Giáo dục kinh tế và pháp luật</b><br>Trường THPT Phạm Thái Bường chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề |
|                     | PTDTNT THPT tỉnh Trà Vinh                            | 01 báo cáo chuyên đề |  |
|                     | TTGDNN-GDTX huyện Tiểu Cần                           | 01 báo cáo chuyên đề |  |
| 30                  | THPT Cầu Kè  | 01 tiết hội giảng    | <b>Giáo dục quốc phòng và an ninh</b><br>Trường THPT Cầu Kè chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề         |
|                     | THPT Cầu Quan  | 01 báo cáo chuyên đề |  |
|                     | THPT Hòa Lợi   | Hội thảo khoa học    | <b>Ngữ văn</b>   |
| 31                  | THPT Tiểu Cần  | 01 tiết hội giảng    | <b>Hoạt động trải nghiệm,</b>  |

|                     |   |   |   |
|---------------------|---|---|---|
|                     | THPT Phong Phú  | 01 báo cáo chuyên đề                      | <b>hướng nghiệp</b><br>Trường THPT Tiểu Cần chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề                                      |
|                     | THPT Tập Sơn  | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 32                  | THPT Trần Văn Long  | 01 báo cáo chuyên đề                      | <b>Ngữ văn</b><br>Trường THPT Trần Văn Long chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề                                      |
|                     | THPT Long Hiệp  | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 33                  | Cụm 2: gồm huyện Trà Cú, Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải và TX Duyên Hải | 01 tiết hội giảng<br>01 báo cáo chuyên đề | <b>Vật lí</b><br>Điểm đặt: Trường Hòa Lợi<br>Trường THPT Hòa Lợi chuẩn bị tiết hội giảng<br>Trường THPT Hòa Minh chuẩn bị báo cáo chuyên đề |
| 34                  | TTGDTX-HNDN TP Trà Vinh   | 01 báo cáo chuyên đề                      | <b>Hóa học</b><br>Trường THPT Bùi Hữu Nghĩa chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề                                  |
|                     | THPT Bùi Hữu Nghĩa  | 01 tiết hội giảng                         |   |
| 35                  | THPT Phạm Thái Bường  | 01 tiết hội giảng                         | <b>Sinh học</b><br>Trường THPT Phạm Thái Bường chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề                               |
|                     | THPT Nguyễn Đăng  | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| <b>THÁNG 4/2025</b> |   |   |   |
| 36                  | PTDTNT THPT tỉnh Trà Vinh   | 01 tiết hội giảng                         | <b>Giáo dục thể chất</b><br>PTDTNT THPT tỉnh Trà Vinh chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và báo cáo chuyên đề                            |
|                     | THPT thành phố Trà Vinh   | 01 báo cáo chuyên đề                      |   |
| 37                  | Toàn Tổ bộ môn Vật lí   | Tổ chức báo cáo chuyên đề                 | <b>Vật lí</b><br>Trường PTDTNT THPT tỉnh Trà Vinh chuẩn bị cơ sở vật chất cho báo cáo chuyên đề   |
| 38                  | Cụm 1: gồm TP. Trà Vinh, Cầu Kè, Càng Long, Tiểu Cần.                     | 01 tiết hội giảng<br>01 báo cáo chuyên đề | <b>Vật lí</b><br>Điểm đặt: Trường THPT Hồ Thị Nhâm<br>Trường THPT Hồ Thị Nhâm chuẩn bị tiết hội giảng<br>Trường THPT Dương Háo Học chuẩn bị |

|    |                |                      |   |
|----|----------------|----------------------|---|
|    |                |                      | báo cáo chuyên đề   |
| 39 | THPT Phong Phú | 01 báo cáo chuyên đề | <b>Hóa học</b><br>Trường THPT Long Hữu chuẩn bị cơ sở vật chất cho hội giảng và các báo cáo chuyên đề |
|    | THPT Long Hữu  | 01 tiết hội giảng    |   |

**Phụ lục I****KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN***(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT)*

TRƯỜNG: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TỔ: .....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN  
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ....., KHỐI LỚP.....***(Năm học 20..... - 20.....)***I. Đặc điểm tình hình****1. Số lớp:** .....; **Số học sinh:** .....; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):** .....**2. Tình hình đội ngũ:** **Số giáo viên:** .....; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: ..... Đại học:.....; Trên đại học:.....**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên**<sup>18</sup>: **Tốt:**.....; **Khá:**.....; **Đạt:**.....; **Chưa đạt:**.....**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|------------------|----------|------------------------------|---------|
| 1   |                  |          |                              |         |
| 2   |                  |          |                              |         |
| 3   |                  |          |                              |         |
| ... |                  |          |                              |         |
| ... |                  |          |                              |         |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
|-----|-----------|----------|-----------------------------|---------|
|     |           |          |                             |         |

<sup>18</sup> Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

|     |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|
| 1   |  |  |  |  |
| 2   |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

## II. Kế hoạch dạy học<sup>19</sup>

### 1. Phân phối chương trình

| STT | Bài học<br>(1) | Số tiết<br>(2) | Yêu cầu cần đạt<br>(3) |
|-----|----------------|----------------|------------------------|
| 1   |                |                |                        |
| 2   |                |                |                        |
| ... |                |                |                        |

### 2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

| STT | Chuyên đề<br>(1) | Số tiết<br>(2) | Yêu cầu cần đạt<br>(3) |
|-----|------------------|----------------|------------------------|
| 1   |                  |                |                        |
| 2   |                  |                |                        |
| ... |                  |                |                        |

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

### 3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian<br>(1) | Thời điểm<br>(2) | Yêu cầu cần đạt<br>(3) | Hình thức<br>(4) |
|------------------------|------------------|------------------|------------------------|------------------|
| Giữa Học kỳ 1          |                  |                  |                        |                  |

<sup>19</sup> Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn



|               |  |  |  |  |
|---------------|--|--|--|--|
| Cuối Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Giữa Học kỳ 2 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 2 |  |  |  |  |

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.....

.....

.....

.....

.....

**TỔ TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục II****KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN***(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT)*

TRƯỜNG: .....

TỔ: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 20..... - 20.....)

**1. Khối lớp: .....; Số học sinh: .....**

| STT | Chủ đề<br>(1) | Yêu cầu cần<br>đạt<br>(2) | Số tiết<br>(3) | Thời điểm<br>(4) | Địa điểm<br>(5) | Chủ trì<br>(6) | Phối hợp<br>(7) | Điều kiện<br>thực hiện<br>(8) |
|-----|---------------|---------------------------|----------------|------------------|-----------------|----------------|-----------------|-------------------------------|
| 1   |               |                           |                |                  |                 |                |                 |                               |
| 2   |               |                           |                |                  |                 |                |                 |                               |
| ... |               |                           |                |                  |                 |                |                 |                               |

**2. Khối lớp: .....; Số học sinh: .....**

| STT | Chủ đề<br>(1) | Yêu cầu cần<br>đạt<br>(2) | Số tiết<br>(3) | Thời điểm<br>(4) | Địa điểm<br>(5) | Chủ trì<br>(6) | Phối hợp<br>(7) | Điều kiện<br>thực hiện<br>(8) |
|-----|---------------|---------------------------|----------------|------------------|-----------------|----------------|-----------------|-------------------------------|
| 1   |               |                           |                |                  |                 |                |                 |                               |
| 2   |               |                           |                |                  |                 |                |                 |                               |
| ... |               |                           |                |                  |                 |                |                 |                               |

**3. Khối lớp: .....; Số học sinh: .....**

....

- (1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.
- (2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.
- (3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.
- (4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).
- (5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).
- (6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.
- (7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.
- (8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...

**TỔ TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2024  
**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục III****KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN***(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT)*

TRƯỜNG: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TỔ: .....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Họ và tên giáo viên: .....

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN****MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ....., LỚP.....***(Năm học 20..... - 20.....)***I. Kế hoạch dạy học****1. Phân phối chương trình**

| STT | Bài học<br>(1) | Số tiết<br>(2) | Thời điểm<br>(3) | Thiết bị dạy học<br>(4) | Địa điểm dạy học<br>(5) |
|-----|----------------|----------------|------------------|-------------------------|-------------------------|
| 1   |                |                |                  |                         |                         |
| 2   |                |                |                  |                         |                         |
| ... |                |                |                  |                         |                         |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

| STT | Chuyên đề<br>(1) | Số tiết<br>(2) | Thời điểm<br>(3) | Thiết bị dạy học<br>(4) | Địa điểm dạy học<br>(5) |
|-----|------------------|----------------|------------------|-------------------------|-------------------------|
| 1   |                  |                |                  |                         |                         |
| 2   |                  |                |                  |                         |                         |
| ... |                  |                |                  |                         |                         |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

- (2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.
- (3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.
- (4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.
- (5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):** (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)

.....

.....

.....

.....

.....

**TỔ TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

... ngày tháng năm 2024  
**GIÁO VIÊN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục V****MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI DẠY***(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT)***PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI DẠY**

Tên bài dạy: .....

Môn học/Hoạt động giáo dục: .....

Lớp:.....; Tiết: .....; ngày .....

Họ và tên giáo viên thực hiện:.....

| <b>Nội dung</b>                   | <b>Tiêu chí</b>   | <b>Điểm tối đa</b> | <b>Điểm đánh giá</b> |
|-----------------------------------|---|--------------------|----------------------|
| <b>1. Kế hoạch bài dạy</b>        | Mức độ phù hợp của các hoạt động học với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng.  | 1,00               |                      |
|                                   | Mức độ rõ ràng, chính xác của mục tiêu, nội dung, sản phẩm, cách thức tổ chức thực hiện mỗi hoạt động học của học sinh.   | 2,00               |                      |
|                                   | Mức độ phù hợp của thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh.   | 1,00               |                      |
|                                   | Mức độ phù hợp của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh.   | 2,00               |                      |
| <b>2. Hoạt động của giáo viên</b> | Mức độ chính xác, phù hợp, sinh động, hấp dẫn của nội dung, phương pháp và hình thức giao nhiệm vụ học tập cho học sinh.  | 2,00               |                      |
|                                   | Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh.  | 1,00               |                      |
|                                   | Mức độ phù hợp, hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  | 2,00               |                      |
|                                   | Mức độ chính xác, hiệu quả trong việc tổng hợp, phân tích, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh (làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng học sinh cần ghi nhận, thực hiện). | 2,00               |                      |
| <b>3. Hoạt động của học</b>       | Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh trong lớp.   | 2,00               |                      |
|                                   | Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.  | 2,00               |                      |

|   |       |  |
|---|-------|--|
| Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong trình bày, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. | 2,00  |  |
| Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.            | 1,00  |  |
| <b>Tổng điểm</b>  | 20,00 |  |

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

### Hướng dẫn đánh giá và cho điểm

Các tiêu chí được nhận xét, đánh giá theo 3 mức<sup>20</sup>: Đạt mức 1 cho khoảng 50-65% điểm tối đa; Đạt mức 2 cho khoảng 65-80% điểm tối đa; Đạt mức 3 cho khoảng 80-100% điểm tối đa. Cho điểm đánh giá thành phần là bội số của 0,25.

Xếp loại bài dạy: **GIỎI**: tổng điểm đạt từ 18 điểm đến 20 điểm; **KHÁ**: tổng điểm đạt từ 13,5 điểm đến dưới 18 điểm; **TRUNG BÌNH**: tổng điểm đạt từ 10 điểm đến dưới 13,5 điểm; **KHÔNG ĐẠT**: tổng điểm dưới 10 điểm.

#### I. Kế hoạch bài dạy

##### 1. Các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy

*Mức 1:* Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu nhằm huy động kiến thức/kĩ năng đã có của học sinh để chuẩn bị học kiến thức/kĩ năng mới nhưng chưa tạo được mâu thuẫn nhận thức để đặt ra vấn đề/câu hỏi chính của bài học. Kiến thức mới được trình bày rõ ràng, tường minh bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức mới. Có câu hỏi/bài tập vận dụng trực tiếp những kiến thức mới học nhưng chưa nêu rõ lí do, mục đích của mỗi câu hỏi/bài tập. Có yêu cầu học sinh liên hệ thực tế/bổ sung thông tin liên quan nhưng chưa mô tả rõ sản phẩm vận dụng mà học sinh phải thực hiện.

*Mức 2:* Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu chỉ có thể được giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kĩ năng đã có của học sinh; tạo được mâu thuẫn nhận thức. Kiến thức mới được thể hiện trong kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức mới và giải quyết được đầy đủ tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu. Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể. Nêu rõ yêu cầu và mô tả rõ sản phẩm vận dụng mà học sinh phải thực hiện.

*Mức 3:* Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu gắn gũi với kinh nghiệm sống của học sinh và chỉ có thể được giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kĩ năng đã có; đặt ra được vấn đề/câu hỏi chính của bài học. Kiến thức mới được thể hiện bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng gắn với vấn đề cần giải quyết; tiếp nối với vấn đề/câu hỏi chính của bài học để học sinh tiếp thu và giải quyết được vấn đề/câu hỏi chính của bài học. Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống, gắn với tình huống thực tiễn; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể. Hướng dẫn để học sinh tự xác định vấn đề, nội dung, hình thức thể hiện của sản phẩm vận dụng.

<sup>20</sup> Trường hợp không đạt mức 1 cho điểm dưới 50% điểm tối đa.

## *2. Mục tiêu, nội dung, sản phẩm, cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy*

*Mức 1:* Mục tiêu của mỗi hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động đó được mô tả rõ ràng nhưng chưa nêu rõ phương thức hoạt động của học sinh/nhóm học sinh nhằm hoàn thành sản phẩm học tập.

*Mức 2:* Mục tiêu và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; phương thức tổ chức hoạt động cho học sinh được trình bày cụ thể, thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập cần hoàn thành.

*Mức 3:* Mục tiêu, cách thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; cách thức tổ chức hoạt động học cho học sinh thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập và đối tượng học sinh.

## *3. Thiết bị dạy học và học liệu được lựa chọn để sử dụng trong Kế hoạch bài dạy*

*Mức 1:* Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành nhưng chưa mô tả rõ cách thức mà học sinh hoạt động với thiết bị dạy học và học liệu đó.

*Mức 2:* Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hành động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng.

*Mức 3:* Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hoạt động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng, phù hợp với kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng.

## *4. Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy*

*Mức 1:* Phương án kiểm tra, đánh giá sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả nhưng chưa rõ phương án kiểm tra trong quá trình hoạt động học của học sinh.

*Mức 2:* Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trong các hoạt động học.

*Mức 3:* Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trung gian và sản phẩm học tập cuối cùng của các hoạt động học.

## **II. Hoạt động của giáo viên**

### *1. Phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập cho học sinh*

*Mức 1:* Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập phải hoàn thành, đảm bảo cho phần lớn học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ phải thực hiện.

*Mức 2:* Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm bảo cho hầu hết học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.

*Mức 3:* Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm bảo cho 100% học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.

### *2. Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh*



*Mức 1:* Theo dõi, bao quát được quá trình hoạt động của học sinh/nhóm học sinh; phát hiện được những học sinh/nhóm học sinh có yêu cầu được giúp đỡ hoặc có biểu hiện đang gặp khó khăn.

*Mức 2:* Quan sát được cụ thể quá trình hoạt động trong từng học sinh/nhóm học sinh; phát hiện được khó khăn cụ thể mà học sinh/nhóm học sinh gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

*Mức 3:* Quan sát được một cách chi tiết quá trình thực hiện nhiệm vụ đến từng học sinh/nhóm học sinh; chủ động phát hiện được khó khăn cụ thể và nguyên nhân mà từng học sinh/nhóm học sinh đang gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

### *3. Các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập:*

*Mức 1:* Đưa ra được những gợi ý, hướng dẫn cụ thể cho học sinh/nhóm học sinh vượt qua khó khăn và hoàn thành được nhiệm vụ học tập được giao.

*Mức 2:* Chỉ ra cho học sinh/nhóm học sinh những sai lầm có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng khái quát để học sinh/nhóm học sinh tiếp tục hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

*Mức 3:* Chỉ ra cho học sinh/nhóm học sinh những sai lầm có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng khái quát; khuyến khích được học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

### *4. Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh*

*Mức 1:* Có câu hỏi định hướng để học sinh/nhóm học sinh tích cực tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm học tập lẫn nhau trong nhóm hoặc toàn lớp; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng đạo học sinh tiếp thu, ghi nhận.

*Mức 2:* Lựa chọn được một số sản phẩm học tập của học sinh/nhóm học sinh để tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo, nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của giáo viên giúp hầu hết học sinh tích cực tham gia thảo luận; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng đạo học sinh tiếp thu, ghi nhận.

*Mức 3:* Lựa chọn được một số sản phẩm học tập điển hình của học sinh/nhóm học sinh để tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của giáo viên giúp hầu hết học sinh tích cực tham gia thảo luận, tự đánh giá và hoàn thiện được sản phẩm học tập của mình và của bạn.

## **III. Hoạt động của học sinh**

### *1. Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh*

*Mức 1:* Phần lớn học sinh tiếp nhận đúng nhiệm vụ và sẵn sàng bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ được giao, tuy nhiên vẫn còn một số học sinh bộc lộ chưa hiểu rõ nhiệm vụ học tập được giao.

*Mức 2:* Hầu hết học sinh tiếp nhận đúng và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên còn một vài học sinh bộc lộ thái độ chưa tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

*Mức 3:* Tất cả học sinh tiếp nhận đúng và hăng hái, tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

### *2. Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập*

*Mức 1:* Nhiều học sinh tỏ ra tích cực, chủ động hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; tuy nhiên, một số học sinh có biểu hiện dựa dẫm, chờ đợi.

*Mức 2:* Hầu hết học sinh tỏ ra tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; còn một vài học sinh lúng túng hoặc chưa thực sự tham gia vào hoạt động nhóm.

*Mức 3:* Tất cả học sinh tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhiều học sinh/nhóm học sinh có sáng tạo trong cách thức thực hiện nhiệm vụ.

### *3. Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong trình bày, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*

*Mức 1:* Nhiều học sinh hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; tuy nhiên, nhiều học sinh/nhóm học sinh thảo luận chưa sôi nổi; vai trò của nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) chưa thật nổi bật; vẫn còn một số học sinh không trình bày được quan điểm của mình hoặc tỏ ra không hợp tác trong quá trình làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

*Mức 2:* Hầu hết học sinh hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; đa số học sinh/nhóm học sinh thảo luận sôi nổi, tự tin; đa số nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) đã biết cách điều hành thảo luận nhóm; nhưng vẫn còn một vài học sinh không tích cực trong quá trình làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

*Mức 3:* Tất cả học sinh tích cực, hăng hái, tự tin trong việc trình bày, trao đổi ý kiến, quan điểm của cá nhân; các học sinh/nhóm học sinh thảo luận sôi nổi, tự tin; các nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) đều tỏ ra biết cách điều hành và khái quát nội dung trao đổi, thảo luận của nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

### *4. Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh*

*Mức 1:* Nhiều học sinh trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; tuy nhiên, vẫn còn một số học sinh chưa hoàn thành hoặc không hoàn thành hết nhiệm vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ còn chưa chính xác, phù hợp với yêu cầu.

*Mức 2:* Đa số học sinh trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; song vẫn còn một vài học sinh trình bày/điễn đạt kết quả chưa rõ ràng do chưa nắm vững yêu cầu.

*Mức 3:* Tất cả học sinh đều trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; nhiều câu trả lời/đáp án mà học sinh đưa ra thể hiện sự sáng tạo trong suy nghĩ và cách thể hiện./.

**Phụ lục IV**  
**KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

*(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT)*

**Trường:** .....

Họ và tên giáo viên:

**Tổ:**.....

.....

**TÊN BÀI DẠY:** .....

Môn học/Hoạt động giáo dục: .....; lớp: .....

Thời gian thực hiện: (số tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:** Nêu cụ thể nội dung kiến thức học sinh cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

**2. Về năng lực:** Nêu cụ thể yêu cầu học sinh **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

**3. Về phẩm chất:** Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** (*Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động*)

a) Mục tiêu: *Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà học sinh phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành...) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.*

c) Sản phẩm: *Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.*

d) Tổ chức thực hiện: *Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** (*Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động*).

a) Mục tiêu: *Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.*

c) Sản phẩm: *Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.*

d) Tổ chức thực hiện: *Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.*

### **3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: *Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho học sinh.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.*

c) Sản phẩm: *Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.*

d) Tổ chức thực hiện: *Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.*

### **4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: *Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).*

b) Nội dung: *Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.*

c) Sản phẩm: *Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.*

d) Tổ chức thực hiện: *Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên.*

#### **Ghi chú:**

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.

2. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu cầu/ quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh thực hiện/đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/.

3. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học và được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho học sinh về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho học sinh tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của học sinh theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.

#### 4. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Giao nhiệm vụ học tập: Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện; giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ học sinh phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sư phạm trong việc lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức tổ chức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sư phạm của giáo viên).

- Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để học sinh ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà học sinh phải thực hiện tiếp theo./.